

- 355 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1972
Số bằng: GI 947 bm Quyết định số: 352/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 356 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC CHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 7 năm 1954
Số bằng: XQ 3,514 bp Quyết định số: 287 ngày 1 tháng 8 năm 1959
- 357 Liệt sĩ: **HÀN VĂN ĐƯỢC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GI 918 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1973
- 358 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC CHIÊU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972
Số bằng: OQ 588 bm Quyết định số: 528/TTGa ngày 17 tháng 10 năm 1974
- 359 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ĐẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1967
Số bằng: O 598 bm Quyết định số: 87/TTGa ngày 09 tháng 4 năm 1971
- 360 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐIỀN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1949
Số bằng: ZA 150 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 361 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ÚY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GI 987 bm Quyết định số: 352/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 362 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH THÁM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HK 518 bm Quyết định số: 483/TTGa ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 363 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NẠP**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1970
Số bằng: BL 864 bm Quyết định số: 45/TTGa ngày 31 tháng 1 năm 1972
- 364 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC KHÁNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1967
Số bằng: GV 042 bm Quyết định số: 353/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1973

- 365 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VT 993 bm Quyết định số: 364/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1972
- 366 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN THƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KQ 121 bm Quyết định số: 558/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 367 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VŨ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QP 7,474 bm Quyết định số: 46/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 368 Liệt sĩ: **BÙI QUANG HUỲNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970
Số bằng: Yd 540 bm Quyết định số: 375/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1977
- 369 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THỬ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 1 năm 1949
Số bằng: DX 999 bp Quyết định số: 53/TTg ngày 08 tháng 2 năm 1961
- 370 Liệt sĩ: **HÁN VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 12 năm 1951
Số bằng: XA 757 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 371 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG DIỄN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1974
Số bằng: YH 020 bm Quyết định số: 353/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 372 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1967
Số bằng: CE 345 bm Quyết định số: 277/TTGa ngày 3 tháng 7 năm 1973
- 373 Liệt sĩ: **CAO NGỌC MỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HE 589 bm Quyết định số: 577/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 374 Liệt sĩ: **CAO BÁ TỎI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1966

Số bằng: AL 652 bm Quyết định số: 87/TTga ngày 09 tháng 4 năm 1971

375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 9 năm 1949

Số bằng: ZK 149 kp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1957

376 Liệt sĩ: **PHAN TRUNG THẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1979

Số bằng: Y 069 bm Quyết định số: 37/CTKT ngày 15 tháng 2 năm 1984

377 Liệt sĩ: **PHẠM DUY NGHIÊM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968

Số bằng: PN 054 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975

378 Liệt sĩ: **TRẦN HÙNG ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1973

Số bằng: KH 605 bm Quyết định số: 414/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973

379 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MÙI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 3 năm 1949

Số bằng: XY 040 bp Quyết định số: 331/TTg ngày 24 tháng 7 năm 1967

380 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC NHẠC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1968

Số bằng: GC 772 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 29 tháng 7 năm 1973

381 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THÁI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1950

Số bằng: HC 245 bp Quyết định số: 134/TTg ngày 18 tháng 4 năm 1972

382 Liệt sĩ: **CAO VĂN DUYÊN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1951

Số bằng: XQ 3,498 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

383 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1949

Số bằng: XX 873 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960

384 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bản Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1946
Số bằng: XX 850 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 16 tháng 5 năm 1960

385 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC VÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lương, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: GR 612 bm Quyết định số: 392/TTga ngày 06 tháng 9 năm 1973

386 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MA 145 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 15 tháng 01 năm 1970

387 Liệt sĩ: **ĐÀO QUANG TẠO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
Số bằng: TB 787 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

388 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 05 năm 1971
Số bằng: HE 430 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1974

389 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KHANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 4 năm 1973
Số bằng: LD 618 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1974

390 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Nhất, huyện Đoan Hùng, tỉnh , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 02 năm 1954
Số bằng: XB 869 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957

391 Liệt sĩ: **QUẢN VĂN HẸNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 06 năm 1961
Số bằng: XQ 4,422 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 01 tháng 10 năm 1959

392 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN PHÚC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: GC 923 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 07 năm 1973

393 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HỮU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 01 năm 1973
Số bằng: SO 328 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

394 Liệt sĩ: **QUẢN SÁCH TRỌNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 348 bt Quyết định số: 557/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1980

395 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TUẤT**

Dân quân xã, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1967

Số bằng: AM 328 km Quyết định số: 202/Ttga ngày 12 tháng 11 năm 1968

396 Liệt sĩ: **NGUYỄN SON GIANG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972

Số bằng: 2K 153 bm Quyết định số: 1285/TTGa ngày 21 tháng 10 năm 1977

397 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẬU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1970

Số bằng: AĐ 433 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 02 năm 1971

398 Liệt sĩ: **PHAN CHÍ CƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969

Số bằng: SO 454 bm Quyết định số: 469/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1976

399 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ DÀN**

Dân quân, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1967

Số bằng: AM 329 km Quyết định số: 202/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1968

400 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐOÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1971

Số bằng: SO 253 bm Quyết định số: 511/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIM HUÊ**

Công nhân công ty giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 11 năm 1966

Số bằng: KM 541 cm Quyết định số: 219/TTga ngày 05 tháng 06 năm 1973

402 Liệt sĩ: **NGÔ NGỌC ĐÊ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1972

Số bằng: LQ 696 bm Quyết định số: 206/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1974

403 Liệt sĩ: **NGÔ THẾ QUỲ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 05 năm 1981

Số bằng: YI 441 bt Quyết định số: 105/TTGa ngày 23 tháng 03 năm 1983

- 404 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: YG 283 bm Quyết định số: 371/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 405 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIỀN LỘC**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: CL 748 bm Quyết định số: 324/TTGa ngày 08 tháng 8 năm 1972
- 406 Liệt sĩ: **PHẠM NGÔ HÙNG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 09 năm 1981
 Số bằng: AB 413 bt Quyết định số: 161/CTKT ngày 23 tháng 05 năm 1984
- 407 Liệt sĩ: **CHU XUÂN TỊNH**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: HD 162 bm Quyết định số: 542/TTGa ngày 06 tháng 12 năm 1973
- 408 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN TRƯỜNG**
 Trung đội Trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 08 năm 1974
 Số bằng: QN 211 bm Quyết định số: 44/TTGa ngày 12 tháng 02 năm 1976
- 409 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THANH**
 Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1967
 Số bằng: AM 236 bm Quyết định số: 202/Ttga ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 410 Liệt sĩ: **HÀ SỸ NHO**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1968
 Số bằng: YA 342 bm Quyết định số: 376/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1977
- 411 Liệt sĩ: **PHAN THANH MÃO**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 03 năm 1968
 Số bằng: H 2,658 bm Quyết định số: 88/TTGa ngày 13 tháng 03 năm 1972
- 412 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN MÙI**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1969
 Số bằng: TB 509 bm Quyết định số: 550/TTGa ngày 07 tháng 12 năm 1976
- 413 Liệt sĩ: **TRỊNH TRÍ THỨC**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969

Số bằng: SO 989 bm Quyết định số: 478/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1976

414 Liệt sĩ: **NGUYỄN HIỀM XƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 1H 102 bm Quyết định số: 757/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1977

415 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐÀO**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 12 năm 1967
Số bằng: AM 327 km Quyết định số: 202/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1968

416 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8T 464 bt Quyết định số: 634/TTGa ngày 07 tháng 9 năm 1979

417 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HUYNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 4 năm 1987
Số bằng: CB 713 bt Quyết định số: 211/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988

418 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1972
Số bằng: LS 139 bm Quyết định số: 206/TTGa ngày 30 tháng 4 năm 1974

419 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 04 năm 1978
Số bằng: 6X 206 bt Quyết định số: 1215/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1978

420 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1968
Số bằng: YD 504 bm Quyết định số: 375/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1977

421 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG YÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Đô, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QL 901 bm Quyết định số: 49/TTGa ngày 17 tháng 02 năm 1976

422 Liệt sĩ: **BÙI VĂN RỸ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 08 năm 1950
Số bằng: ĐC 214 kp Quyết định số: 569/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1974

423 Liệt sĩ: **SÀM TIẾN HÙNG**

Trung sĩ Quân đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bằng Doãn, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 02 năm 1979

Số bằng: 9C 430 bt Quyết định số: 832/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

424 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN THỌ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Ninh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HF 859 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

425 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Ninh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1973
Số bằng: UR 256 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

426 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9T 363 bt Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

427 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1973
Số bằng: PR 388 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

428 Liệt sĩ: **PHÍ VĂN CƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PE 246 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1975

429 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HE 857 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VỤ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951
Số bằng: XX 881 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

431 Liệt sĩ: **MA VĂN LỰA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phố Trần Phú, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GV 454 bm Quyết định số: 389/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1973

432 Liệt sĩ: **LƯU VĂN TƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1953
Số bằng: KC 436 bp Quyết định số: 33/TTga ngày 09 tháng 2 năm 1973

433 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH CÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HE 256 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973

- 434 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BỘ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 31 tháng 3 năm 1949
Số bằng: XM 363 bp Quyết định số: 36/TTga ngày 04 tháng 2 năm 1959
- 435 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÂN**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 7 năm 1950
Số bằng: XY 384 kp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1957
- 436 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHỈ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1970
Số bằng: YI 090 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 437 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CỰ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 12 năm 1947
Số bằng: XA 2,487 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 06 tháng 8 năm 1960
- 438 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1946
Số bằng: XB 866 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957
- 439 Liệt sĩ: **CHU THỊ MẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: ER 711 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1973
- 440 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SOI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1984
Số bằng: AQ 084 bt Quyết định số: 207/CTKT ngày 29 tháng 5 năm 1985
- 441 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HD 340 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973
- 442 Liệt sĩ: **ĐƯƠNG VĂN ĐÊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1970
Số bằng: YH 013 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 443 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN MINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1970
Số bằng: LS 018 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 4 năm 1974

444 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỸ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CQ 853 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972

445 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: BL 888 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972

446 Liệt sĩ: **LƯU VĂN QUÝ**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8I 833 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1979

447 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮT**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1947
Số bằng: XX 934 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

448 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 735 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

449 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHƯỢNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thanh Minh, Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1969
Số bằng: GP 995 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

450 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HE 380 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 04 tháng 1 năm 1974

451 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 6V 274 bt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978

452 Liệt sĩ: **LƯU VĂN CHÍNH**

Bí Thư Đảng ủy, Nguyên quán: xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XY 988 cp Quyết định số: 483/TTga ngày 03 tháng 11 năm 1958

- 453 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BIÊN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao,, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: QĐ 625 bm Quyết định số: 464/TTGa ngày 02 tháng 12 năm 1977
- 454 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TĂNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 8 năm 1978
 Số bằng: 7Z 279 bt Quyết định số: 238/TTGa ngày 06 tháng 4 năm 1979
- 455 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1971
 Số bằng: KA 225 bm Quyết định số: 521/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 456 Liệt sĩ: **VŨ ANH LINH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: HP 928 bm Quyết định số: 559/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 457 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LUẬN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Diên Hồng, Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 2 năm 1951
 Số bằng: HX 503 bp Quyết định số: 256/TTGa ngày 23 tháng 6 năm 1961
- 458 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ỚM**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Thượng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: KG 565 bm Quyết định số: 30/TTGa ngày 14 tháng 1 năm 1973
- 459 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TÍCH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 8 năm 1974
 Số bằng: QĐ 806 bt Quyết định số: 465/TTGa ngày 02 tháng 12 năm 1975
- 460 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LUYỆN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1973
 Số bằng: GV 107 bm Quyết định số: 353/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1973
- 461 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG THƠM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: QP 876 bm Quyết định số: 46/TTGa ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 462 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC TRỊ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1954
 Số bằng: XX 946 bm Quyết định số: 118/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1960

- 463 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƠM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thạch, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: KQ 134 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 464 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG KHOA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghinh Xuyên, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 08 năm 1968
Số bằng: LO 388 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 09 tháng 4 năm 1974
- 465 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ LIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vũ Phúc, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 07 năm 1972
Số bằng: GV 089 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 14 tháng 08 năm 1973
- 466 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phố Trần Phú, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 04 năm 1971
Số bằng: OR 231 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 03 năm 1975
- 467 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC VŨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phố Long Xuyên, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 05 năm 1970
Số bằng: CV 218 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 01 tháng 09 năm 1972
- 468 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐẮC**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 07 năm 1967
Số bằng: KM 280 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 469 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIỆT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ xã, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 06 năm 1972
Số bằng: NY 145 bm Quyết định số: 458/TTga ngày 10 tháng 09 năm 1974
- 470 Liệt sĩ: **MA VĂN HÒ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XG 061 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 05 tháng 5 năm 1958
- 471 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGÔN**
Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 9 năm 1951
Số bằng: DI 444 cp Quyết định số: 362/TTga ngày 16 tháng 7 năm 1993
- 472 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN SÁCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 5 năm 1954

Số bằng: XX 992 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

473 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYỀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PH 280 bm Quyết định số: 260/TTga ngày 05 tháng 7 năm 1975

474 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG YÊM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GC 809 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

475 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Tú Kỳ, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: UR 287 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

476 Liệt sĩ: **MA TRỌNG VƯỢNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VD 623 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

477 Liệt sĩ: **MA VĂN HÀO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LQ 775 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1974

478 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1966
Số bằng: AB 265 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

479 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỀ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KQ 106 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

480 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN PHONG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1969
Số bằng: YK 095 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

481 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỶ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GP 632 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973

482 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TÍCH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1972
Số bằng: EB 494 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

483 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TỰ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9T 314 bt Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

484 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1948
Số bằng: ZB 390 bp Quyết định số: 150/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1957

485 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DIỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Hạc Trì, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1950
Số bằng: XA 706 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

486 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUỲ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Xuân, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1952
Số bằng: XX 920 bp Quyết định số: 118/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1960

487 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC VĂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Hà, huyện Lâm Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1953
Số bằng: XA 264 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

488 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÌN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1970
Số bằng: EF 935 bm Quyết định số: 300/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1973

489 Liệt sĩ: **CHU TRIỆU LƯƠNG**

Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1967
Số bằng: BL 847 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 01 năm 1972

490 Liệt sĩ: **HÀ KHẮC HỮU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1971
Số bằng: SO 327 bm Quyết định số: 511/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

491 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN LƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BL 845 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 31 tháng 1 năm 1972

492 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN NGỌ**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1952
Số bằng: ĐL 568 cp Quyết định số: 491/TTGa ngày 04 tháng 7 năm 1997

493 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN XUẤT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UR 406 bm Quyết định số: 362/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977

494 Liệt sĩ: **CHU QUANG SẮC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
Số bằng: HK 764 bm Quyết định số: 423/TTGa ngày 29 tháng 9 năm 1973

495 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN ĐỀ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1970
Số bằng: CL 898 bm Quyết định số: 334/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1972

496 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH ĐỢI**

Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: KG 397 bm Quyết định số: 135/TTGa ngày 30 tháng 3 năm 1974

497 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1972
Số bằng: HE 799 bm Quyết định số: 582/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1973

498 Liệt sĩ: **HOÀNG HỒNG THÁI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NL 244 bm Quyết định số: 360/TTGa ngày 10 tháng 7 năm 1974

499 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH CHIẾN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1969
Số bằng: SO 352 bm Quyết định số: 511/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976

500 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hà, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BM 148 bm Quyết định số: 139/Ttga ngày 12 tháng 8 năm 1967

501 Liệt sĩ: **MA VĂN CHÁC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1967
Số bằng: YI 086 bm Quyết định số: 363/TTGa ngày 25 tháng 4 năm 1977

- 502 Liệt sĩ: **MAI VĂN LƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VI 731 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977
- 503 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HÀO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1969
Số bằng: KA 240 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 504 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1967
Số bằng: CM 259 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1968
- 505 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ĐG 944 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1972
- 506 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN QUYÊN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1973
Số bằng: QV 370 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976
- 507 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1973
Số bằng: UR 306 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 508 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AS 389 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 509 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AB 316 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 510 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỮU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1951
Số bằng: XA 715 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 511 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN SƠN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 9Z 717 bm Quyết định số: 775/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1980

- 512 Liệt sĩ: **ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AM 042 bm Quyết định số: 89/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1967
- 513 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HE 899 bm Quyết định số: 411/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 514 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HK 830 bm Quyết định số: 423/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 515 Liệt sĩ: **ĐÀO MẠNH THẮNG**
Đội viên du kích, Nguyên quán: Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1950
Số bằng: ZA 134 kp Quyết định số: 331/TTga ngày 24 tháng 7 năm 1957
- 516 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÙ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 5 năm 1949
Số bằng: ZD 752 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 517 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 6V 269 bt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 518 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 9C 370 bt Quyết định số: 832/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979
- 519 Liệt sĩ: **LÊ THỊ VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1974
Số bằng: 2K 202 bm Quyết định số: 1285/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1977
- 520 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRẦN MÔN**
Trợ lý tham mưu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KG 528 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1974
- 521 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1968

Số bằng: LP 641 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1974

522 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÂM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 90 444 bt Quyết định số: 279/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1980

523 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC KIỂM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1973
Số bằng: QN 130 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1976

524 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LƯU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HE 544 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

525 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHÁCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1951
Số bằng: AX 329 bm Quyết định số: 140/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1960

526 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG VIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1969
Số bằng: IM 490 cm Quyết định số: 57/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1973

527 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BM 327 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1973

528 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN RẼ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1965
Số bằng: PX 150 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1965

529 Liệt sĩ: **TƯỚNG QUỐC CẢNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 06 năm 1971
Số bằng: KG 335 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 03 năm 1974

530 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Du, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 04 năm 1968
Số bằng: AO 496 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 03 tháng 06 năm 1971

531 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 08 năm 1968
Số bằng: MG 357 bm Quyết định số: 70/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970

532 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THUẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Trần Phú, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 11 năm 1979
Số bằng: 90 513 bt Quyết định số: 279/TTGa ngày 18 tháng 4 năm 1980

533 Liệt sĩ: **MAI VĂN PHÚ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Du, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 03 năm 1969
Số bằng: MP 655 bm Quyết định số: 234/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1970

534 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC HỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Du, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: GX 490 bp Quyết định số: 100/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1961

535 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1969
Số bằng: YD 354 bm Quyết định số: 369/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1977

536 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tây Cốc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QN 212 bm Quyết định số: 44/TTGa ngày 12 tháng 02 năm 1976

537 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SR 501 bm Quyết định số: 238/TTGa ngày 6 tháng 4 năm 1979

538 Liệt sĩ: **TRẦN LÊ CƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KG 346 bm Quyết định số: 135/TTGa ngày 30 tháng 3 năm 1974

539 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Nga, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: GP 542 bm Quyết định số: 363/TTGa ngày 21 tháng 8 năm 1973

540 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH THẠCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XU 278 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

541 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1950
Số bằng: KX 230 bp Quyết định số: 414/TTg ngày 25 tháng 10 năm 1961

542 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN THỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AS 493 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

543 Liệt sĩ: **LÊ QUANG XUYẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: LO 603 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

544 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG ĐỒNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1971
Số bằng: GS 902 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

545 Liệt sĩ: **TRẦN MINH HỒ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 01 năm 1975
Số bằng: QL 876 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976

546 Liệt sĩ: **TRẦN MINH DUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: PR 432 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

547 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẠNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 01 năm 1972
Số bằng: YD 377 bm Quyết định số: 369/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

548 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐỘ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 6 năm 1967
Số bằng: 8I 822 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1979

549 Liệt sĩ: **PHẠM TRƯỜNG SƠN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AB 251 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1971

550 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 01 năm 1969
Số bằng: MG 314 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 03 năm 1970

- 551 Liệt sĩ: **LẠI ĐỨC KHẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1961
Số bằng: TB 212 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976
- 552 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 5 năm 1964
Số bằng: OX 724 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1964
- 553 Liệt sĩ: **TẠ VĂN CÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1968
Số bằng: PR 410 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975
- 554 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DẬU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: TV 080 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1977
- 555 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1971
Số bằng: TP 968 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 25 tháng 04 năm 1974
- 556 Liệt sĩ: **PHẠM BÌNH CHẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HE 283 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973
- 557 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TẠI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thụy Liễu, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1973
Số bằng: OR 215 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 03 năm 1975
- 558 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÚT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Toàn Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 02 năm 1949
Số bằng: XU 243 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 559 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÍN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Toàn Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 06 năm 1952
Số bằng: XU 236 bp Quyết định số: 02/TTG ngày 02 tháng 01 năm 1966
- 560 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Toàn Thắng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 04 năm 1951
Số bằng: XA 740 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

- 561 Liệt sĩ: **HÒ VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 08 năm 1968
Số bằng: MG 356 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 562 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HP 796 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 563 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1971
Số bằng: GC 891 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973
- 564 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG TRỤ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NY 101 bm Quyết định số: 458/TTga ngày 10 tháng 9 năm 1974
- 565 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Sông Thao, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8Tb 510 bt Quyết định số: 634/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1979
- 566 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NGHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: XU 265 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 567 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THÁP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XQ 3,512 bp Quyết định số: 278/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 568 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: AS 386 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 569 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒNG THÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 08 năm 1969
Số bằng: 1H 136 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977
- 570 Liệt sĩ: **VŨ MAI TUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 06 năm 1972

Số bằng: bm Quyết định số: 139/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1976

571 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG CHẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tập, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8M 403 bt Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

572 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN BÀI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: SO 878 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

573 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯU**

Dân công, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1954
Số bằng: XA 3,751 cp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

574 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUÍ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1971
Số bằng: ER 673 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 01 tháng 6 năm 1973

575 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NGÀ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: QĐ 865 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1972

576 Liệt sĩ: **HOÀNG CAO SÁNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1971
Số bằng: YH 083 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

577 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐÁN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GV 390 bm Quyết định số: 389/TTga ngày 04 tháng 9 năm 1973

578 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY THÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 573 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

579 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỪ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1968
Số bằng: YG 258 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

580 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THĂNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã

hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KQ 096 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

581 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: OX 047 bp Quyết định số: 204/TTg ngày 07 tháng 11 năm 1963

582 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CƠ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1969
Số bằng: TU 106 bm Quyết định số: 97/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1977

583 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN GIAO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UR 221 bm Quyết định số: 362/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

584 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NUÔI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XU 252 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

585 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1968
Số bằng: TV 236 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 8 tháng 02 năm 1977

586 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT HỢP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1970
Số bằng: H 1,838 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

587 Liệt sĩ: **ĐỖ THỊ ĐỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: XY 563 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

588 Liệt sĩ: **ĐỖ MẠNH KHIÊM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1973
Số bằng: TV 246 bm Quyết định số: 83/TTga ngày 8 tháng 02 năm 1977

589 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HP 768 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

590 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THUẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GC 867 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973

591 Liệt sĩ: **ĐỖ CHÍ TÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Đa, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LP 532 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974

592 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC KÍCH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1951
Số bằng: XA 259 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 01 tháng 5 năm 1957

593 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHÁU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: HX 486 bm Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961

594 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1968
Số bằng: CG 629 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972

595 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: XG 290 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959

596 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1970
Số bằng: HY 335 bm Quyết định số: 375/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

597 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SỬU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GI 965 bm Quyết định số: 352/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1973

598 Liệt sĩ: **TẠ VĂN TUYỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh

Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1954

Số bằng: XU 230 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 01 năm 1960

599 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TRÁCH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XA 249 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

- 600 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xung Phong, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 5 năm 1948
Số bằng: ZQ 3,520 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959
- 601 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1952
Số bằng: XU 208 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 602 Liệt sĩ: **ĐINH TIẾN SOẠN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GS 969 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973
- 603 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ VẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xương Thịnh, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1973
Số bằng: LD 654 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 604 Liệt sĩ: **HOÀNG TIẾN XUÂN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 06 năm 1973
Số bằng: LD 600 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 605 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HẢI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 09 năm 1969
Số bằng: CL 729 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 606 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9C 2,551bt Quyết định số: 821/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979
- 607 Liệt sĩ: **TRẦN DOANH TUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 02 năm 1971
Số bằng: YG 297 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 608 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHÍ**
Trung đội Trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 07 năm 1967
Số bằng: AO 755 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 9 tháng 6 năm 1971
- 609 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QN 180 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1976

- 610 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 04 năm 1969
Số bằng: GE 652 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1973
- 611 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN HÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 02 năm 1968
Số bằng: CP 847 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 612 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HUÊ**
Đại đội Phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 05 năm 1954
Số bằng: NX 820 bp Quyết định số: 105/TTg ngày 03 tháng 6 năm 1963
- 613 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHOAN**
Tiểu đội Phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 01 năm 1951
Số bằng: XC 355 bp Quyết định số: 092/TTg ngày 01 tháng 02 năm 1968
- 614 Liệt sĩ: **TRẦN QUANG PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 04 năm 1968
Số bằng: VO 426 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 13 tháng 5 năm 1977
- 615 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÀM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 01 năm 1951
Số bằng: XU 262 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 616 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHU**
Thương sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1973
Số bằng: YK 104 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 617 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH CHI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1972
Số bằng: CM 697 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1973
- 618 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CUÔNG**
Thương sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1969
Số bằng: CL 692 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972
- 619 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THỈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1949
Số bằng: OX 882 bp Quyết định số: 46/TTg ngày 26 tháng 3 năm 1965

- 620 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NY 833 bm Quyết định số: 537/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974
- 621 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1972
Số bằng: CM 872 bm Quyết định số: 423/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 622 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1984
Số bằng: AL 481 bt Quyết định số: 446/CTKT ngày 26 tháng 12 năm 1984
- 623 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC CHUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: CM 810 bm Quyết định số: 40/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976
- 624 Liệt sĩ: **PHAN VĂN LỘC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
Số bằng: CM 168 bm Quyết định số: 613/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 625 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN BẰNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1973
Số bằng: TB 146 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 7 tháng 12 năm 1976
- 626 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 03 năm 1951
Số bằng: XU 266 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 627 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 06 năm 1973
Số bằng: TB 693 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977
- 628 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÌNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 05 năm 1968
Số bằng: CN 576 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 08 năm 1972
- 629 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỆP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1947
Số bằng: HX 480 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 06 năm 1961

- 630 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯƠNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7Đ 372 bt Quyết định số: 1303/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 631 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRI**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 08 năm 1974
Số bằng: QN 196 bm Quyết định số: 44 ngày 12 tháng 02 năm 1976
- 632 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC THỊNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 06 năm 1978
Số bằng: 8M 621 bt Quyết định số: 467/TTga ngày 20 tháng 06 năm 1979
- 633 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 06 năm 1978
Số bằng: 9C 521 bt Quyết định số: 821/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979
- 634 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GS 861 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973
- 635 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHỎA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 05 năm 1970
Số bằng: AS 465 bm Quyết định số: 197/TTg ngày 16 tháng 8 năm 1971
- 636 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 07 năm 1970
Số bằng: YK 076 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 25 tháng 04 năm 1977
- 637 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU CÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 06 năm 1974
Số bằng: OP 936 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 03 năm 1975
- 638 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 04 năm 1984
Số bằng: BC 267 bt Quyết định số: 133/CTKT ngày 14 tháng 05 năm 1986
- 639 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 08 năm 1967
Số bằng: AO 578 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 03 tháng 06 năm 1971

- 640 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỆM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 06 năm 1970
Số bằng: YD 247 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 27 tháng 04 năm 1977
- 641 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 08 năm 1978
Số bằng: 7Z 304 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 06 tháng 04 năm 1979
- 642 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 07 năm 1974
Số bằng: PE 714 bm Quyết định số: 262/TTga ngày 05 tháng 07 năm 1975
- 643 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐẠO**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 08 năm 1967
Số bằng: AO 462 bm Quyết định số: 133/TTga ngày 03 tháng 06 năm 1971
- 644 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ NGÃN**
Nhân viên công ty phục vụ đường sắt, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KM 257 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 17 tháng 04 năm 1974
- 645 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 06 năm 1972
Số bằng: HK 840 bm Quyết định số: 423/TTga ngày 29 tháng 09 năm 1973
- 646 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỀ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 01 năm 1973
Số bằng: LH 385 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 03 năm 1974
- 647 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỢP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1967
Số bằng: GE 492 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 03 tháng 07 năm 1973
- 648 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1967
Số bằng: VT 887 bm Quyết định số: 364/TTga ngày 25 tháng 04 năm 1977
- 649 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỈNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 05 năm 1968
Số bằng: MG 377 bm Quyết định số: 542/TTGa ngày 06 tháng 12 năm 1974

- 650 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 02 năm 1967
Số bằng: AB 236 bm Quyết định số: 42/TTGa ngày 19 tháng 02 năm 1971
- 651 Liệt sĩ: **HÀ VĂN XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 05 năm 1978
Số bằng: 6V 322 bt Quyết định số: 1172/TTGa ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 652 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC THIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HD 211 bm Quyết định số: 542/TTGa ngày 06 tháng 12 năm 1973
- 653 Liệt sĩ: **HÀ VĂN UY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 04 năm 1974
Số bằng: LO 122 bm Quyết định số: 613/TTGa ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 654 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH CỘNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 08 năm 1973
Số bằng: LH 359 bm Quyết định số: 112/TTGa ngày 19 tháng 03 năm 1974
- 655 Liệt sĩ: **HÀ TIỀN VĂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 03 năm 1966
Số bằng: QĐ 786 bm Quyết định số: 465/TTGa ngày 02 tháng 12 năm 1975
- 656 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG ĐỒ**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 03 năm 1974
Số bằng: QL 796 bm Quyết định số: 50/TTGa ngày 17 tháng 02 năm 1976
- 657 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC SANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 01 năm 1980
Số bằng: 9V 719 bt Quyết định số: 617/TTGa ngày 24 tháng 09 năm 1980
- 658 Liệt sĩ: **ĐÀO HỮU TRỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1973
Số bằng: HA 945 bm Quyết định số: 391/TTGa ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 659 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THỤY**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1965
Số bằng: AB 372 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971

660 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1967
Số bằng: BAS 455 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

661 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968
Số bằng: EB 119 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

662 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC QUỶ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AB 185 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 19 tháng 02 năm 1971

663 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LƠ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1973
Số bằng: NL 025 bm Quyết định số: 728 /TTga ngày 13 tháng 7 năm 1977

664 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN THỰC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GX 109 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973

665 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỆN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970
Số bằng: IH 036 bm Quyết định số: 757/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1977

666 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỀ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: AS 360 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

667 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8M 447 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

668 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1973
Số bằng: NL 287 bm Quyết định số: 360/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

669 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1951
Số bằng: XU 250 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

670 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÀNH HIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LQ 783 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 02 tháng 5 năm 1972

671 Liệt sĩ: **ĐIỀU TIẾN ĐẠT**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1972
Số bằng: AB 199 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 04 tháng 4 năm 1973

672 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1971
Số bằng: HY 103 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

673 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TRIỆU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QD 849 bm Quyết định số: 465/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975

674 Liệt sĩ: **PHÙNG QUANG MỘC**

Chính trị viên Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AO 631 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 09 tháng 6 năm 1971

675 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LƯU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GC 754 bm Quyết định số: 308/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1973

676 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN DĨNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1967
Số bằng: YH 030 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

677 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 03 năm 1971
Số bằng: OD 563 bm Quyết định số: 528/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1974

678 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HẠ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1968
Số bằng: CG 648 bm Quyết định số: 258/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1972

- 679 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÁP**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 05 năm 1978
Số bằng: 8M 427 bt Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 680 Liệt sĩ: **TRẦN KIM ĐIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1977
Số bằng: GX 167 bt Quyết định số: 1215/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 681 Liệt sĩ: **LƯU NHÂM**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 07 năm 1969
Số bằng: CQ 840 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972
- 682 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 03 năm 1950
Số bằng: XP 694 bp Quyết định số: 130/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1959
- 683 Liệt sĩ: **VŨ VĂN SỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 02 năm 1954
Số bằng: HX 460 bp Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961
- 684 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam,, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QL 981 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 685 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HP 898 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973
- 686 Liệt sĩ: **ĐẶNG TIẾN QUÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KG 519 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1973
- 687 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê , tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: TB 377 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976
- 688 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GX 909 bm Quyết định số: 153/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973

- 689 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH KỲ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: LO 893 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974
- 690 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHA**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: LO 667 bm Quyết định số: 129/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 691 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: IH 307 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 692 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƠ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: TB 705 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977
- 693 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TIÊM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: SK 937 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 694 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Lung, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1979
 Số bằng: 9T 344 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 695 Liệt sĩ: **HOÀNG HÙNG VĨ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 02 năm 1968
 Số bằng: CP 928 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 696 Liệt sĩ: **LÊ KIM THANH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: QP 834 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 17 tháng 02 năm 1976
- 697 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN DƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1952
 Số bằng: XU 225 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 698 Liệt sĩ: **HÀ MINH TÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969

Số bằng: Mg 374 bm Quyết định số: 70 - /TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

699 Liệt sĩ: **ĐIỀU VĂN TẬP**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 12 năm 1952

Số bằng: XQ 3,516 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 01 tháng 8 năm 1959

700 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH KHÔI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972

Số bằng: HD 359 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

701 Liệt sĩ: **HÀ TÂN CÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1970

Số bằng: CV 211 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 01 tháng 9 năm 1972

702 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC MẠC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1978

Số bằng: 6V 278 bt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978

703 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 6 năm 1985

Số bằng: BC 265 bt Quyết định số: 133/CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1968

704 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÂN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 12 năm 1949

Số bằng: XL 576 kp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

705 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN THỎ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1967

Số bằng: KM 281 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968

706 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TƯ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1969

Số bằng: OR 222 bm Quyết định số: 95/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1975

707 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN ĐỒ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

Số bằng: KC 403 bp Quyết định số: 33/TTg ngày 9 tháng 02 năm 1973

708 Liệt sĩ: **NGUYỄN SƠN HÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh

Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1971
Số bằng: YD 508 bm Quyết định số: 375/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1977

709. Liệt sĩ: **HÀ XUÂN THI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7Z 300 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979

710 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN PHÀN**

Đội Viên Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1947
Số bằng: Xb 146 kp Quyết định số: 483/TTg ngày 30 tháng 11 năm 1958

711 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẬY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7Z 177 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 6 tháng 4 năm 1979

712 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHOAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: CP 855 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

713 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN TRIỆU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KQ 085 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

714 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÀ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1950
Số bằng: HX 475 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

715 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC CHÁT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MG 343 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

716 Liệt sĩ: **HOÀNG KIM QUY**

Tiểu Đội Trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Yên Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ , đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 10 năm 1945
Số bằng: Hx 476 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

717 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CẦN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Tiến, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: XU 263 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

718 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MAI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú ,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MG 354 bm Quyết định số: 70/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

719 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DIỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dũng Tiến, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947
Số bằng: XU 226 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

720 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỆ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EB 200 bm Quyết định số: 143/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

721 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KỶ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HD 337 bp Quyết định số: 542/TTg ngày 06 tháng 12 năm 1973

722 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THIẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1968
Số bằng: CP 913 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972

723 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1954
Số bằng: P 138 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 10 năm 1973

724 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG QUỲNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CL 763 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972

725 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Dũng Tiến, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1954
Số bằng: XU 295 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960

726 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1971
Số bằng: LQ 807 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 02 tháng 05 năm 1974

727 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÈ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 029 bm Quyết định số: 08/TTga ngày 03 tháng 01 năm 1968

- 728 **Liệt sĩ: ĐẶNG VĂN BÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1970
Số bằng: CL 680 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 08 tháng 8 năm 1972
- 729 **Liệt sĩ: HOÀNG THÔNG CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KG 366 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 30 tháng 03 năm 1974
- 730 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HÀO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: TB 369 bm Quyết định số: 551/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976
- 731 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1970
Số bằng: GC 828 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 17 tháng 7 năm 1973
- 732 **Liệt sĩ: TRỊNH VĂN MẠO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: YT 886 bm Quyết định số: 364/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 733 **Liệt sĩ: HOÀNG VINH QUANG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HE 669 bm Quyết định số: 582/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973
- 734 **Liệt sĩ: HOÀNG QUỐC VŨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KQ 034 bm Quyết định số: 558/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1975
- 735 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN HÒI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: B 204 bp Quyết định số: 01/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960
- 736 **Liệt sĩ: PHẠM KIM KÊ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1967
Số bằng: GP 658 bm Quyết định số: 363/TTga ngày 21 tháng 8 năm 1973
- 737 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÔN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1967
Số bằng: YG 266 bm Quyết định số: 371/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

- 738 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH CHÍNH**
Thương sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: B 913 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 739 **Liệt sĩ: PHẠM KHẮC TRẠM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1967
Số bằng: LD 4,876 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1974
- 740 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 6V 303 tt Quyết định số: 1172/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1978
- 741 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CƯ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QD 642 bm Quyết định số: 464/TTga ngày 02 tháng 12 năm 1975
- 742 **Liệt sĩ: TRỊNH BÁ TOÀN**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1965
Số bằng: GX 046 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1973
- 743 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NHÌ**
Cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PN 759 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 09 tháng 9 năm 1975
- 744 **Liệt sĩ: BÙI VĂN TÀI**
Thượng sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LG 808 bm Quyết định số: 536/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974
- 745 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN VẠN**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ER 740 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1973
- 746 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN GIA**
Hạ sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AS 350 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 16 tháng 08 năm 1971
- 747 **Liệt sĩ: VŨ VĂN BÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1954

Số bằng: XH 709 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 06 tháng 6 năm 1958

748 Liệt sĩ: **PHAN VĂN PHẠM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972

Số bằng: TB 489 bm Quyết định số: 550/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1976

749 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU KÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1972

Số bằng: HE 501 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

750 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LĨNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1970

Số bằng: MP 661 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970

751 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHỈ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1952

Số bằng: XU 274 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

752 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG THÍCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 2 năm 1951

Số bằng: XU 282 bp Quyết định số: 2/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

753 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968

Số bằng: RO 342 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1976

754 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**

Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Sơn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 11 năm 1985

Số bằng: AV 547 bt Quyết định số: 362CTKT ngày 25 tháng 9 năm 1985

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú , đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1972

Số bằng: HD 284 bm Quyết định số: 542/TTga ngày 06 tháng 12 năm 1973

756 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1984

Số bằng: AL 482 bt Quyết định số: 446/TTga ngày 26 tháng 12 năm 1984

757 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VƯỢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, tỉnh Phú

Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1949
Số bằng: ZD 764 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

758 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC TÓN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thành, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1951
Số bằng: XU 234 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 02 tháng 01 năm 1960

759 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỰ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 11 năm 1953
Số bằng: HX 484 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

760 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thành, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: HX 485 bp Quyết định số: 256/TTg ngày 23 tháng 6 năm 1961

761 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HY 186 bm Quyết định số: 373/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

762 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRIỆU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SK 972 bm Quyết định số: 514/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

763 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OD 593 bm Quyết định số: 528/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1974

764 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1974
Số bằng: TB 723 bm Quyết định số: 04/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977

765 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỰC PHẠM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MM 017 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

766 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HÒE**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1979
Số bằng: YC 411 bm Quyết định số: 832/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1979

767 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: SK 978 bm Quyết định số: 514/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976

768 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1967
Số bằng: GE 597 bm Quyết định số: 279/TTGa ngày 03 tháng 7 năm 1973

769 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 02 năm 1969
Số bằng: MP 642 bm Quyết định số: 234/TTGa ngày 28 tháng 9 năm 1970

770 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1968
Số bằng: CM 262 bm Quyết định số: 08/TTGa ngày 23 tháng 01 năm 1968

771 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỤ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AB 215 bm Quyết định số: 42/TTGa ngày 19 tháng 02 năm 1971

772 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC NHÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1972
Số bằng: YA 405 bm Quyết định số: 376/TTGa ngày 29 tháng 4 năm 1977

773 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GK 460 bm Quyết định số: 30/TTGa ngày 14 tháng 01 năm 1974

774 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHÂU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1972
Số bằng: KG 352 bm Quyết định số: 135/TTGa ngày 30 tháng 3 năm 1974

775 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỆ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1971
Số bằng: NT 701 bm Quyết định số: 457/TTGa ngày 10 tháng 9 năm 1974

776 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỘ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1969
Số bằng: TV 153 bm Quyết định số: 83/TTGa ngày 08 tháng 02 năm 1977

- 777 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NGHĨA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1970
Số bằng: GS 954 bm Quyết định số: 531/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1973
- 778 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHẬT BÁCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1971
Số bằng: CP 817 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1972
- 779 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1967
Số bằng: CM 264 bm Quyết định số: 8/TTga ngày 13 tháng 01 năm 1968
- 780 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỘ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: RO 637 bm Quyết định số: 294/TTga ngày 03 tháng 7 năm 1976
- 781 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẶNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LH 382 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1974
- 782 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1972
Số bằng: KG 906 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974
- 783 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUỲNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KG 594 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1974
- 784 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẦU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: HA 912 bm Quyết định số: 391/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1973
- 785 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH ĐỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Thành, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1963
Số bằng: NX 101 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1962
- 786 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1966
Số bằng: QX 125 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1966

- 787 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 9T 270 bm Quyết định số: 557/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 788 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC CỰ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phụng Vĩ, huyện Cẩm Khê, tỉnh Vĩnh Phú, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1973
Số bằng: NY 834 bm Quyết định số: 537/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974
- 789 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 6X 201 bT Quyết định số: 1215/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1978
- 790 Liệt sĩ: **CAO VĂN ĐÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8M 430 bT Quyết định số: 464/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 791 Liệt sĩ: **HÀ VĂN DƯỠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 01 năm 1949
Số bằng: AX 307 bP Quyết định số: 140/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1960
- 792 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8M 373 bT Quyết định số: 329/CTKT ngày 10 tháng 4 năm 1982
- 793 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ HÙNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PR 532 bm Quyết định số: 399/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975
-

VI. TỈNH BẮC GIANG

1. Liệt sĩ: NGUYỄN NHƯ NINH

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Văn Cẩm, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: UE 148 bm Quyết định số: 65/TTga ngày 28 tháng 01 năm 1977

2. Liệt sĩ: ĐỖ VĂN DIỆU

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 8 năm 1953
Số bằng: XM 182 kp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

3. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CHI

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
Số bằng: VY 224 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

4. Liệt sĩ: TRẦN HỮU LỘC

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GT 734 bm Quyết định số: 428/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

5. Liệt sĩ: NGÔ VĂN CỒN

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1972
Số bằng: KO 178 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1974

6. Liệt sĩ: NGÔ BÁ QUÁT

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ĐY 393 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

7. Liệt sĩ: ĐÀO VĂN TUẤN

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: G 273 bt Quyết định số: 084-CTKT ngày 03 tháng 01 năm 1983

8. Liệt sĩ: NGÔ SÁCH TRÍ

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 10 năm 1967
Số bằng: AB 064 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1971

9. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN GIANG

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1974
Số bằng: VH 037 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

10. Liệt sĩ: KHUU HỮU MÀU

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1969

Số bằng: SY 694 bm Quyết định số: 534/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

11. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979

Số bằng: 8I 999 bt Quyết định số: 462/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

12. Liệt sĩ: **PHẠM TRÍ TRUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972

Số bằng: RL 975 bm Quyết định số: 313/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1976

13. Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1968

Số bằng: GA 230 bm Quyết định số: 210/TTg ngày 02 tháng 6 năm 1973

14. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÁN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 3 năm 1971

Số bằng: HD 799 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

15. Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 8 năm 1981

Số bằng: O 246 bt Quyết định số: 260-CTKT ngày 06 tháng 7 năm 1983

16. Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CỬU**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 02 năm 1975

Số bằng: SY 681 bm Quyết định số: 543/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976

17. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN CHIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1969

Số bằng: MK 738 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

18. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 02 năm 1947

Số bằng: ZB 750 bp Quyết định số: 170/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

19. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VIÊN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 02 năm 1954

Số bằng: EB 506 kp Quyết định số: 675/TTga ngày 29 tháng 6 năm 1999

20. Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN HIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 9 năm 1978

Số bằng: 9D 135 bt Quyết định số: 836/TTga ngày 03 tháng 12 năm 1979

21. Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ ĐỐC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 02 năm 1973
Số bằng: PZ 038 bm Quyết định số: 403/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1975

22. Liệt sĩ: **BÊ VĂN CHUƠNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MK 745 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

23. Liệt sĩ: **VY HỒNG XƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1965
Số bằng: PX 200 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966

24. Liệt sĩ: **LÂM VĂN GIÁP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AL 488 bm Quyết định số: 99/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1971

25. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THỈNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1951
Số bằng: OC 026 bp Quyết định số: 200/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

26. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1971
Số bằng: QB 519 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1975

27. Liệt sĩ: **DƯƠNG CHUNG PHÓNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 7 năm 1945
Số bằng: XM 095 kp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

28. Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÌNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Lạc, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1970
Số bằng: HD 440 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1973

29. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐG 316 bm Quyết định số: 405/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

30. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUY**

Bắc

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1969
Số bằng: SY 506 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 19 tháng 01 năm 1977

31. Liệt sĩ: **ĐỒNG XUÂN TÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 02 năm 1970
Số bằng: GT 955 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

32. Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH THI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8V 353 bt Quyết định số: 715/TTga ngày 13 tháng 10 năm 1979

33. Liệt sĩ: **LÊ THANH MÀI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 9 năm 1974
Số bằng: TK 774 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 14 tháng 01 năm 1977

34. Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC KHA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Ninh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1965
Số bằng: VM 918 bm Quyết định số: 47/TTga ngày 24 tháng 02 năm 1970

35. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯỜI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 6AA 164 bt Quyết định số: 302/TTga ngày 09 tháng 7 năm 1981

36. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1970
Số bằng: VB 206 bm Quyết định số: 229/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

37. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 7 năm 1967
Số bằng: VH 083 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

38. Liệt sĩ: **ĐOÀN BÁ HIẾU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 02 năm 1970
Số bằng: UL 945 bm Quyết định số: 205/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

39. Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH KIẾN**

Công nhân lái xe, Nguyên quán: Xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1967
Số bằng: HM 867 cm Quyết định số: 417/TTga ngày 05 tháng 10 năm 1972

40. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÚC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1973
Số bằng: QP 738 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

41. Liệt sĩ: **GIÁP VĂN HỮU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 02 năm 1970
Số bằng: KB 100 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973

42. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HƯỚNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tự Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 6 năm 1984
Số bằng: AM 490 bt Quyết định số: 97-CTKT ngày 13 tháng 02 năm 1985

43. Liệt sĩ: **THÂN VĂN VIỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1969
Số bằng: VB 106 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

44. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN ĐÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bằng: AB 122 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1971

45. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN CÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 02 năm 1946
Số bằng: ĐS 815 bp Quyết định số: 629/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1998

46. Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC MẬU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1974
Số bằng: PL 946 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

47. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1974
Số bằng: PY 654 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

48. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỤNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1953
Số bằng: AX 438 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1960

49. Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG LONG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1970
Số bằng: QB 336 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975

50. Liệt sĩ: **LƯU SỸ THỤY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 01 năm 1968
Số bằng: ET 439 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 03 tháng 5 năm 1973

51. Liệt sĩ: **NGUYỄN TIỀN DUNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NĐ 788 bm Quyết định số: 448/TTga ngày 03 tháng 9 năm 1974

52. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Song Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1972
Số bằng: PV 721 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 20 tháng 12 năm 1975

53. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẠC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1954
Số bằng: XH 078 kp Quyết định số: 02/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960

54. Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ QUYẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NG 653 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 04 tháng 6 năm 1974

55. Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN THAO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1973
Số bằng: QO 827 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976

56. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HOA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 3H 911 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978

57. Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XU**

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 6 năm 1951
Số bằng: XL 943 kp Quyết định số: 29/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1962

58. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THẮNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 7 năm 1951
Số bằng: AX 011 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

59. Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC NĂNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 11 năm 1947
Số bằng: AX 952 bp Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1960

60. Liệt sĩ: **CHU VĂN ĐỒ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: VD 071 bm Quyết định số: 211/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

61. Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7L 545 bt Quyết định số: 1455/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1978

62. Liệt sĩ: **NGÔ QUANG BÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1967
Số bằng: DM 842 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 05 tháng 6 năm 1968

63. Liệt sĩ: **LƯU XUÂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1975
Số bằng: QO 657 bm Quyết định số: 103/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1976

64. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THỨ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ET 428 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 03 tháng 5 năm 1973

65. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HD 639 bm Quyết định số: 562/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1973

66. Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐỨC THANH**

Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1996
Số bằng: ĐT 368 bt Quyết định số: 854/TTga ngày 22 tháng 9 năm 1998

67. Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ KÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 08 tháng 5 năm 1953
Số bằng: ZD 870 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

68. Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU LỢI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1951
Số bằng: HX 114 bp Quyết định số: 157/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1961

69. Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC LƯỢNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7L 550 bt Quyết định số: 1455/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1978

70. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN KHƯƠNG

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1965
Số bằng: QA 694 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1975

71. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THÁCH

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 02 năm 1973
Số bằng: LG 918 bm Quyết định số: 545/TTga ngày 04 tháng 11 năm 1974

72. Liệt sĩ: LÊ VĂN VỊ

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971
Số bằng: VY 326 bm Quyết định số: 332/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

73. Liệt sĩ: NGUYỄN KHẮC SUỐT

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 01 năm 1953
Số bằng: XX 410 bp Quyết định số: 112/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1960

74. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TIẾN

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XM 154 kp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

75. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THUẬN

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1953
Số bằng: GD 710 kp Quyết định số: 719/TTga ngày 08 tháng 7 năm 2003

76. Liệt sĩ: NGUYỄN THÀNH TIẾN

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZC 800 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

77. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN MỞ

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: KC 773 bp Quyết định số: 241/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1973

78. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN SỬ

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VA 283 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

79. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN VƯỜN

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1974
Số bằng: NU 698 bm Quyết định số: 635/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

80. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN AN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1973
Số bằng: SY 230 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 11 tháng 01 năm 1977

81. Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TỶ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 01 năm 1970
Số bằng: ĐL 505 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972

82. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÁY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 10 năm 1966
Số bằng: VV 122 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

83. Liệt sĩ: **CHU ĐÌNH QUẢNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: NU 826 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1994

84. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VẠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1975
Số bằng: AC 539 bm Quyết định số: 222-CTKT ngày 27 tháng 6 năm 1984

85. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1971
Số bằng: AC 561 bm Quyết định số: 222-CTKT ngày 27 tháng 6 năm 1984

86. Liệt sĩ: **CHU XUÂN HỘI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ET 732 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

87. Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÂM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1967
Số bằng: UY 220 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

88. Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN LỘC**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VE 158 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

89. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÁY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 02 năm 1970
Số bằng: VE 070 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

90. Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VA 502 bm Quyết định số: 232/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1972

91. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 9 năm 1972
Số bằng: MD 981 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1973

92. Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG CÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: UO 814 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

93. Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG VŨNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GQ 547 bm Quyết định số: 346/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

94. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1970
Số bằng: GA 205 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 02 tháng 6 năm 1973

95. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHAI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ĐR 075 kp Quyết định số: 478/TTga ngày 02 tháng 6 năm 1998

96. Liệt sĩ: **TRẦN BÁ THAN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 02 năm 1954

Số bằng: KX 988 bp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

97. Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SẾU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 01 năm 1952

Số bằng: ZC 633 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957

98. Liệt sĩ: **CHU VĂN LÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XB 907 bp Quyết định số: 559/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1957

99. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẮP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 3 năm 1955

Số bằng: CI 079 kp Quyết định số: 07-CTKTT ngày 12 tháng 01 năm 1990

100. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÀI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 5 năm 1954

Số bằng: LX 005 bp Quyết định số: 50/TTGa ngày 15 tháng 02 năm 1962

101. Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1953

Số bằng: LX 006 bp Quyết định số: 50/TTGa ngày 15 tháng 02 năm 1962

102. Liệt sĩ: **TRẦN BÁ BIA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 7 năm 1951

Số bằng: ZC 637 bp Quyết định số: 171/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1957

103. Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHAN**

Đội viên du kích, Nguyên quán: Xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1953

Số bằng: XL 955 kp Quyết định số: 29/TTGa ngày 21 tháng 01 năm 1962

104. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1954

Số bằng: LX 839 bp Quyết định số: 136/TTGa ngày 10 tháng 5 năm 1962

105. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỨC**

Chính trị viên trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1954

Số bằng: LX 371 bp Quyết định số: 80/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1962

106. Liệt sĩ: **TẠ VĂN KHUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953

Số bằng: LX 320 bp Quyết định số: 80/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1962

107. Liệt sĩ: **HOÀNG ĐĂNG LỄ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 5 năm 1946

Số bằng: LX 355 bp Quyết định số: 80/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1962

108. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1970

Số bằng: ĐY 369 bm Quyết định số: 62/TTGa ngày 23 tháng 02 năm 1973

109. Liệt sĩ: **TRIỆU VĂN NGỎ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 5 năm 1946
Số bằng: XQ 4,517 bp Quyết định số: 359/TTGa ngày 01 tháng 10 năm 1954

110. Liệt sĩ: **GIÁP THỊ Y**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 07 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 130 bt Quyết định số: 497/TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1980

111. Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 4 năm 1968
Số bằng: AT 775 bm Quyết định số: 195/TTGa ngày 16 tháng 8 năm 1971

112. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1969
Số bằng: SR 882 bm Quyết định số: 548/TTGa ngày 07 tháng 12 năm 1976

113. Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MK 616 bm Quyết định số: 176/TTGa ngày 21 tháng 7 năm 1970

114. Liệt sĩ: **VŨ TRÍ VY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 01 năm 1968
Số bằng: NM 045 bm Quyết định số: 54/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 1969

115. Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU LỤC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1947
Số bằng: EC 062 kp Quyết định số: 506/TTGa ngày 03 tháng 6 năm 1977

116. Liệt sĩ: **NGÔ THẾ CHU**

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GA 323 bm Quyết định số: 208/TTGa ngày 31 tháng 5 năm 1973

117. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOẢN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ER 593 bm Quyết định số: 211/TTGa ngày 02 tháng 6 năm 1973

118. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÔNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tân Thanh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 3 năm 1950
Số bằng: XN 086 kp Quyết định số: 25/TTGa ngày 05 tháng 02 năm 1963

119. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972
Số bằng: SY 896 bm Quyết định số: 480/TTGa ngày 01 tháng 11 năm 1976

120. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TẬP**

Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 02 năm 1947
Số bằng: ĐR 083 cp Quyết định số: 478/TTGa ngày 02 tháng 6 năm 1998

121. Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN TÂN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1973
Số bằng: UY 216 bm Quyết định số: 297/TTGa ngày 15 tháng 4 năm 1977

122. Liệt sĩ: **LƯƠNG MINH TUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐG 345 bm Quyết định số: 405/TTGa ngày 30 tháng 9 năm 1972

123. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐƯƠNG**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1967
Số bằng: LM 856 bm Quyết định số: 19/TTGa ngày 11 tháng 02 năm 1969

124. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DỤC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: UQ 737 bm Quyết định số: 238/TTGa ngày 01 tháng 4 năm 1977

125. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
Số bằng: VS 551 bm Quyết định số: 320/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977

126. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TA 434 bm Quyết định số: 580/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1966

127. Liệt sĩ: **VŨ VĂN SỰ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 01 năm 1950
Số bằng: XL 941 kp Quyết định số: 29/TTGa ngày 22 tháng 01 năm 1962

128. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 5N 273 bt Quyết định số: 302/TTGa ngày 09 tháng 7 năm 1981

129. Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU LỤC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh

trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 10 năm 1947
Số bằng: EC 062 kp Quyết định số: 306/TTga ngày 03 tháng 6 năm 1977

130. Liệt sĩ: **DƯƠNG QUYẾT TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 3AA 684 bt Quyết định số: 156/TTga ngày 06 tháng 5 năm 1981

131. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THẠO**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1982
Số bằng: H 891 bt Quyết định số: 59/CTKT ngày 02 tháng 3 năm 1983

132. Liệt sĩ: **THÂN VĂN HUỖNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1973
Số bằng: PY 571 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

133. Liệt sĩ: **THÂN ĐỨC HUY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AT 918 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

134. Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN HOẠCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: LX 386 bp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

135. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THỌ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bằng: NU 713 bm Quyết định số: 535/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1974

136. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7L 682 bt Quyết định số: 39/TTga ngày 10 tháng 01 năm 1979

137. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỘ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NG 554 bm Quyết định số: 285/TTga ngày 04 tháng 6 năm 1974

138. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
Số bằng: KX 910 bp Quyết định số: 29/TTga ngày 22 tháng 01 năm 1962

139. Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHÂM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh

Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: QP 819 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

140. Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
Số bằng: NA 272 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

141. Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN KÍNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ, tỉnh
Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1971
Số bằng: VB 885 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1977

142. Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN CƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng
Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1968
Số bằng: HP 489 bm Quyết định số: 451/TTga ngày 18 tháng 10 năm 1973

143. Liệt sĩ: **CAO SĨ PHIÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Gia Lương, tỉnh
Bắc Ninh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 3 năm 1952
Số bằng: LX 611 bp Quyết định số: 95/TTga ngày 02 tháng 4 năm 1962

144. Liệt sĩ: **VŨ QUANG HỌC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1970
Số bằng: AL 502 bm Quyết định số: 99/TTga ngày 29 tháng 4 năm 1971

145. Liệt sĩ: **CHU TRỌNG CHẤT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1966
Số bằng: TA 403 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

146. Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN ĐIỀU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AB 117 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1971

147. Liệt sĩ: **DƯƠNG NGÔ THUNG**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc
Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐY 473 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

148. Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH NINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang,
đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AT 943 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

149. Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH CỪ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Phú Hòa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 4 năm 1952
Số bằng: XG 276 kp Quyết định số: 42/TTGa ngày 01 tháng 12 năm 1959

150. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍCH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1973
Số bằng: VB 157 bm Quyết định số: 229/TTGa ngày 01 tháng 4 năm 1977

151. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RQ 107 bm Quyết định số: 313/TTg ngày 15 tháng 7 năm 1976

152. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÔN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HS 546 bm Quyết định số: 480/TTGa ngày 06 tháng 11 năm 1973

153. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÁN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐY 244 bm Quyết định số: 62/TTGa ngày 23 tháng 02 năm 1973

154. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 9D 443 bm Quyết định số: 876/TTGa ngày 12 tháng 12 năm 1979

155. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9D 138 bt Quyết định số: 836/TTg ngày 03 tháng 12 năm 1979

156. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHIẾN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐY 234 bm Quyết định số: 61/TTGa ngày 23 tháng 02 năm 1973

157. Liệt sĩ: **LÂM VĂN CHÈ**

Thương binh 1/4, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1995
Số bằng: ĐT 369 bm Quyết định số: 854/TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998

158. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 8R 467 bm Quyết định số: 584/TTGa ngày 14 tháng 8 năm 1979

159. Liệt sĩ: **LÂM VĂN SINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 80 847 bm Quyết định số: 518/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1979

160. Liệt sĩ: LÝ HỒNG VIÊN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1976
Số bằng: AX 488 bm Quyết định số: 395/CTKT ngày 25 tháng 10 năm 1985

161. Liệt sĩ: LÂM VĂN NGỌT

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HD 967 bm Quyết định số: 586/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1973

162. Liệt sĩ: VY VĂN AN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1954
Số bằng: XQ 3,892 bp Quyết định số: 289/TTGa ngày 01 tháng 8 năm 1959

163. Liệt sĩ: TẠ VĂN LỢI

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: LX 114 bp Quyết định số: 50/TTGa ngày 15 tháng 02 năm 1962

164. Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC SƠN

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1967
Số bằng: HG 437 bm Quyết định số: 538/TTGa ngày 24 tháng 12 năm 1973

165. Liệt sĩ: GIÁP VĂN THỎA

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: XL 914 kp Quyết định số: 29/TTGa ngày 22 tháng 1 năm 1962

166. Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU LONG

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 10 năm 1968
Số bằng: PM 225 bm Quyết định số: 114/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1969

167. Liệt sĩ: BÙI ĐĂNG CHIẾN

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VG 023 bm Quyết định số: 254/TTGa ngày 05 tháng 4 năm 1977

168. Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN NGỌC

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 9Q 975 bt Quyết định số: 497/TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1980

169. Liệt sĩ: GIÁP ĐỨC VI

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1968
Số bằng: HS 565 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973

170. Liệt sĩ: **TRẦN QUY MÔ**

Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Dân, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: ĐG 255 bm Quyết định số: 409/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1972

171. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HỢI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NV 235 bm Quyết định số: 442/TTga ngày 30 tháng 8 năm 1974

172. Liệt sĩ: **LEO VĂN TÀI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: HQ 001 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1973

173. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN QUANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HD 696 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

174. Liệt sĩ: **ĐÀO MẠNH TUYẾN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GQ 559 bm Quyết định số: 346/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

175. Liệt sĩ: **LA VĂN MAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 6 năm 1980
Số bằng: C 005 bt Quyết định số: 359/CTKT ngày 29 tháng 11 năm 1982

176. Liệt sĩ: **TÔ VĂN RỘNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7L 450 bt Quyết định số: 1455/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1978

177. Liệt sĩ: **LÊ THANH DÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8E 651 bt Quyết định số: 346/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

178. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 12 năm 1976
Số bằng: 6N 817 bt Quyết định số: 1154/TTga ngày 09 tháng 10 năm 1978

179. Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DÂN**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 1982
Số bằng: L 836 bt Quyết định số: 169/CTKT ngày 11 tháng 5 năm 1978

180. Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẠC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 6 năm 1948
Số bằng: XA 005 kp Quyết định số: 170/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1958

181. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THẮNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 7 năm 1951
Số bằng: AX 011 bp Quyết định số: 118/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1960

182. Liệt sĩ: **LÊ ĐẮC KHẢO**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 9 năm 1953
Số bằng: LX 367 bp Quyết định số: 80/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1962

183. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SẮC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NA 230 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

184. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 10 năm 1968
Số bằng: AT 810 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

185. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHẢN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1968
Số bằng: AT 988 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

186. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỊP**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1971
Số bằng: NU 759 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 26 tháng 10 năm 1974

187. Liệt sĩ: **ONG KHẮC LAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 01 năm 1966
Số bằng: AB 528 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1971

188. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIÁP**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 01 năm 1968
Số bằng: VH 049 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

189. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẢN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PY 573 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

190. Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG LƯỢC**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Giang, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MS 758 bm Quyết định số: 293/TTga ngày 12 tháng 12 năm 1970

191. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOAN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1974
Số bằng: PL 999 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

192. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÀO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: MQ 691 bt Quyết định số: 238/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

193. Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN QUY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 10 năm 1967
Số bằng: MK 614 bm Quyết định số: 176/TTga ngày 21 tháng 7 năm 1970

194. Liệt sĩ: **PHAN VĂN MÔ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1970
Số bằng: 6V 390 bm Quyết định số: 1203/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1978

195. Liệt sĩ: **HÀ NGỌC KHIÊM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1971
Số bằng: PĐ 140 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 09 tháng 5 năm 1975

196. Liệt sĩ: **TẶNG VĂN UYÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Tiến, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1972
Số bằng: KO 322 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 08 tháng 02 năm 1974

197. Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN BAN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1946
Số bằng: XX 123 bp Quyết định số: 101/TTga ngày 05 tháng 5 năm 1960

198. Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH LIỄU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VE 119 bm Quyết định số: 253/TTga ngày 05 tháng 4 năm 1977

199. Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC VIỆT**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh

Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1973
Số bằng: PG 805 bm Quyết định số: 286/TTGa ngày 16 tháng 9 năm 1973

200. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MƯỜI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HE 132 bm Quyết định số: 536/TTGa ngày 05 tháng 12 năm 1973

201. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GIA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HD 476 bm Quyết định số: 562/TTGa ngày 13 tháng 12 năm 1973

202. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: HL 195 bm Quyết định số: 545/TTGa ngày 06 tháng 12 năm 1973

203. Liệt sĩ: **HÀ VĂN THẮNG**

Công nhân Công ty Thi công cơ giới đường sắt, Nguyên quán: xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: IM 235 cm Quyết định số: 4/TTGa ngày 06 tháng 01 năm 1973

204. Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ CHIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Canh Nậu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UP 998 bm Quyết định số: 254/TTGa ngày 05 tháng 4 năm 1977

205. Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH THẮNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1967
Số bằng: CM 345 bm Quyết định số: 8/TTGa ngày 13 tháng 01 năm 1968

206. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỶ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐY 415 bm Quyết định số: 62/TTGa ngày 23 tháng 02 năm 1973

207. Liệt sĩ: **VŨ VĂN SỰ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 01 năm 1950
Số bằng: XL 941 kp Quyết định số: 29/TTGa ngày 22 tháng 01 năm 1962

208. Liệt sĩ: **TẠ VĂN VƯỢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QM 868 bm Quyết định số: 198/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1969

209. Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH ĐẠI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dĩnh Trì, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc

Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 12 năm 1971
Số bằng: NB 834 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 06 năm 1974

210. Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN BÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: AT 776 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 16 tháng 8 năm 1971

211. Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN TẤN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 5 năm 1991
Số bằng: DM 919 bt Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1994

212. Liệt sĩ: **LƯU VĂN LỀ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1975
Số bằng: 3H 921 bm Quyết định số: 156/TTga ngày 22 tháng 02 năm 1978

213. Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 02 năm 1971
Số bằng: NU 666 bm Quyết định số: 535/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1971

214. Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AB 474 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1971

215. Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG TIẾN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐY 419 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 23 tháng 02 năm 1973

216. Liệt sĩ: **VŨ VĂN TƯ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Khê, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1970
Số bằng: UY 392 bm Quyết định số: 243/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977

217. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1970
Số bằng: EK 834 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1973

218. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MO 124 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1970

219. Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYẾT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh

Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 9 năm 1973
Số bằng: SY 957 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 01 tháng 11 năm 1976

220. Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**

Dân quân đi phục vụ giao thông, Nguyên quán: xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 11 năm 1966
Số bằng: 2Q 900 cm Quyết định số: 651/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1976

221. Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐỨC THU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NA 263 bm Quyết định số: 299/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1974

222. Liệt sĩ: **LÊ VĂN MƯỜI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Y, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 3 năm 1966
Số bằng: PS 884 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

223. Liệt sĩ: **GIÁP VĂN SỸ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tụ Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1965
Số bằng: PL 856 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

224. Liệt sĩ: **CHU VĂN NHI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tụ Lạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 11 năm 1964
Số bằng: OX 844 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1965

225. Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CỪ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tứ Xuyên, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 6 năm 1952
Số bằng: GX 816 bp Quyết định số: 150/TTg ngày 19 tháng 4 năm 1961

226. Liệt sĩ: **GIÁP VĂN ĐÔ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quế Nham, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1970
Số bằng: HG 252 bm Quyết định số: 570/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1973

227. Liệt sĩ: **DƯƠNG CÔNG ĐỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 02 năm 1973
Số bằng: LE 833 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 02 tháng 4 năm 1974

228. Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LONG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 06 tháng 10 năm 1968
Số bằng: PM 225 bt Quyết định số: 114/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1969

229. Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TRÁC**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 02 năm 1949
Số bằng: ĐS 223 kp Quyết định số: 478/TTga ngày 02 tháng 6 năm 1998

230. Liệt sĩ: **DƯƠNG NGÔ ĐIỀU**

Chi ủy viên Đảng Lao động Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1951
Số bằng: XB 451 cp Quyết định số: 50/TTga ngày 15 tháng 02 năm 1962

231. Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC OANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 01 năm 1969
Số bằng: PL 841 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 03 tháng 10 năm 1975

232. Liệt sĩ: **ĐỒNG XUÂN HỘI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 02 năm 1968
Số bằng: AB 480 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1971

233. Liệt sĩ: **HOÀNG THẾ MINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Định, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: VP 850 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

234. Liệt sĩ: **TRẦN DUY BẢO**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quốc Tuấn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GJ 317 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 09 tháng 8 năm 1973

235. Liệt sĩ: **VY VĂN CHU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Sản, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 02 năm 1969
Số bằng: HB 406 bm Quyết định số: 49/TTga ngày 25 tháng 02 năm 1971

236. Liệt sĩ: **LÊ HÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Thụ Trì, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XY 380 bp Quyết định số: 467/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1957

237. Liệt sĩ: **NÔNG VĂN XUYẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Chiên Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 8 năm 1969
Số bằng: VD 289 bm Quyết định số: 296/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977

238. Liệt sĩ: **VI VĂN TÈ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1971
Số bằng: HD 741 bm Quyết định số: 496/TTga ngày 13 tháng 11 năm 1973

VII. TỈNH THANH HÓA

- 1 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢNG**
Bảo vệ viên tàu VT 113 quốc doanh đánh cá Hạ Long, Nguyên quán: xã Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KM 386 cm Quyết định số: 155/TTga ngày 21 tháng 4 năm 1973
- 2 Liệt sĩ: **TRẦN MINH NHUỆ**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 11 năm 1967
Số bằng: HI 051 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1973
- 3 Liệt sĩ: **MAI VĂN MỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 4 năm 1953
Số bằng: ZT 839 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 07 tháng 6 năm 1960
- 4 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**
Phó trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1981
Số bằng: S 824 bm Quyết định số: 397/CTKT ngày 09 tháng 11 năm 1983
- 5 Liệt sĩ: **BIỆN MINH TƯ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BF 376 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1972
- 6 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LAI**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1971
Số bằng: GS 371 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973
- 7 Liệt sĩ: **QUẢN VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 02 năm 1979
Số bằng: 9N 088 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1980
- 8 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐH 447 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1972
- 9 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1967
Số bằng: RB 932 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 10 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH KẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh

Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐV 967 bm Quyết định số: 68/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1973

11 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TOẢN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thắng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1966
Số bằng: BF 372 bm Quyết định số: 11/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1972

12 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÀ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 3 năm 1978
Số bằng: TG 224 bt Quyết định số: 1505/TTGa ngày 29 tháng 12 năm 1978

13 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐÌNH LỢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tâm, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1966
Số bằng: NU 387 bm Quyết định số: 477/TTGa ngày 21 tháng 9 năm 1974

14 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG HOẠT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GB 554 bm Quyết định số: 325/TTGa ngày 28 tháng 7 năm 1973

15 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỒNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BE 128 bm Quyết định số: 128/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1971

16 Liệt sĩ: **MAI ĐÌNH MẬT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MG 459 bm Quyết định số: 66/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970

17 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG KHẢI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 7 năm 1965
Số bằng: AV 645 bm Quyết định số: 264/TTGa ngày 15 tháng 11 năm 1971

18 Liệt sĩ: **MAI ĐÌNH THANH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 9 năm 1967
Số bằng: QM 794 bm Quyết định số: 188/TTGa ngày 05 tháng 11 năm 1969

19 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC TRONG**

Thủy Thủ thuộc công ty giao thông vận tải Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1968

Số bằng: CM 680 cm Quyết định số: 113/TTGa ngày 18 tháng 7 năm 1969

- 20 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH KẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ĐV 967 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1973
- 21 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HÀ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1981
Số bằng: F 065 bt Quyết định số: 23/TTga ngày 20 tháng 01 năm 1983
- 22 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LỰU**
Công nhân Cục vận tải đường bộ, Bộ Giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CM 581 cm Quyết định số: 109/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1969
- 23 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN DŨNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LK 590 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1974
- 24 Liệt sĩ: **ĐUỜNG VĂN DUẬT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1954
Số bằng: ZA 337 bm Quyết định số: 190/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1957
- 25 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH TOÀN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: số nhà 77 phố Tống Duy Tân, Tx Thanh Hóa, Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MA 668 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970
- 26 Liệt sĩ: **QUẢN BÁ MƯU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AS 583 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 27 Liệt sĩ: **LÊ PHÚ BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KL 005 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 01 năm 1974
- 28 Liệt sĩ: **LÊ SỸ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 01 năm 1954
Số bằng: ZQ 738 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 04 tháng 5 năm 1959
- 29 Liệt sĩ: **ĐUỜNG VĂN DUẬT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trung, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1954

Số bằng: ZA 337 bm Quyết định số: 190/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1957

- 30 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH BẢN**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1968
Số bằng: KD 578 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 31 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỊCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MG 065 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 32 Liệt sĩ: **HÀ TRỌNG HUÊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: GR 848 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 33 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TÙY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BA 157 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971
- 34 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN NGÔN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1967
Số bằng: SN 559 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 35 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KS 661 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974
- 36 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG HỒNG**
Công nhân lái máy Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Xuân Tân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 01 năm 1972
Số bằng: KM 902 km Quyết định số: 345/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973
- 37 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 118 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 01 năm 1973
- 38 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH BẠO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OK 012 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 39 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN TỬ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh

Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1967
Số bằng: MĐ 750 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 07 tháng 5 năm 1970

40 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HỘI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EA 053 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 02 năm 1973

41 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN LUẬT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 06 tháng 12 năm 1954
Số bằng: ZR 555 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 02 tháng 01 năm 1960

42 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒNG THƯNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 02 năm 1967
Số bằng: LM 123 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

43 Liệt sĩ: **LÊ THỊ TÀI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: ĐR 609 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 09 tháng 02 năm 1973

44 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT QUANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 10 năm 1972
Số bằng: CG 640 bm Quyết định số: 142/CTKT ngày 20 tháng 7 năm 1989

45 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ SƠN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 523 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

46 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN ĐĂNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1967
Số bằng: LM 258 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

47 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XẢO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BA 132 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 08 tháng 10 năm 1971

48 Liệt sĩ: **MAI VĂN ĐÀM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QM 753 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 05 tháng 11 năm 1969

49 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ VÒNG**

Công nhân vận tải Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1967

Số bằng: ĐM 717 cm Quyết định số: 230/TTGa ngày 15 tháng 12 năm 1969

50 Liệt sĩ: **ĐỖ CÔNG HOAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968

Số bằng: AP 328 bm Quyết định số: 195/TTGa ngày 05 tháng 7 năm 1971

51 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC DỤ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1968

Số bằng: MG 086 bm Quyết định số: 69/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970

52 Liệt sĩ: **TRỊNH THANH NHÀN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 04 tháng 12 năm 1978

Số bằng: A 075 bt Quyết định số: 252/TTGa ngày 08 tháng 9 năm 1982

53 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG MẠNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Nguyên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 7 năm 1984

Số bằng: BB 836 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 29 tháng 3 năm 1986

54 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969

Số bằng: ML 942 bm Quyết định số: 154/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1970

55 Liệt sĩ: **TẠ ĐÌNH DẬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968

Số bằng: MD 840 bm Quyết định số: 109/TTGa ngày 07 tháng 5 năm 1970

56 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TOẢN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thắng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1966

Số bằng: BF 372 bm Quyết định số: 11/TTGa ngày 06 tháng 01 năm 1972

57 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ CÚC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968

Số bằng: UP 438 bm Quyết định số: 175/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

58 Liệt sĩ: **TẠ HÙNG CƯỜNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 01 năm 1970

Số bằng: AL 863 bm Quyết định số: 85/TTGa ngày 09 tháng 4 năm 1971

- 59 **Liệt sĩ: TẠ THANH TÙNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 01 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9N 332 bt Quyết định số: 243/TTga ngày 07 tháng 4 năm 1980
- 60 **Liệt sĩ: HOÀNG CUNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐL 887 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 09 tháng 11 năm 1972
- 61 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH LIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1969
Số bằng: VT 812 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 62 **Liệt sĩ: BÙI VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1973
Số bằng: KD 564 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 63 **Liệt sĩ: TRỊNH XUÂN TIẾP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UK 934 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 01 tháng 4 năm 1977
- 64 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN GIAI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1971
Số bằng: TH 568 bm Quyết định số: 12/TTga ngày 07 tháng 01 năm 1977
- 65 **Liệt sĩ: TRỊNH VĂN QUƠ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 01 tháng 4 năm 1949
Số bằng: ĐM 242 bp Quyết định số: 669/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1997
- 66 **Liệt sĩ: MAI HỒNG NHÂN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1972
Số bằng: TG 395 bm Quyết định số: 01/TTga ngày 04 tháng 01 năm 1977
- 67 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 9R 977 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980
- 68 **Liệt sĩ: NGUYỄN MẠNH LŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1973
Số bằng: LA 647 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

- 69 Liệt sĩ: **MAI VĂN SỬU**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
 Số bằng: NP 968 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974
- 70 Liệt sĩ: **TẠ VĂN CẦN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: GX 644 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 08 tháng 11 năm 1973
- 71 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN LUẬT**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: LT 045 bm Quyết định số: 172/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1974
- 72 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÓC**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 01 năm 1968
 Số bằng: AP 381 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 05 tháng 7 năm 1971
- 73 Liệt sĩ: **MAI XUÂN SUNG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1966
 Số bằng: BF 340 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 06 tháng 01 năm 1972
- 74 Liệt sĩ: **MAI VĂN TRỌNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: YD 114 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 75 Liệt sĩ: **MAI VĂN SUM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: CL 436 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972
- 76 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊA**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 6 năm 1967
 Số bằng: CM 185 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 01 tháng 3 năm 1968
- 77 Liệt sĩ: **TÔNG VĂN MUÙU**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 03 tháng 5 năm 1978
 Số bằng: I 317 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983
- 78 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHẠN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 11 năm 1968

Số bằng: MA 569 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 03 tháng 3 năm 1970

79 Liệt sĩ: **MAI HỒNG MẬT**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1965

Số bằng: PX 898 bm Quyết định số: 164/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

80 Liệt sĩ: **TẠ THỊ HỘ**

Công nhân Ty giao thông vận tải Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1972

Số bằng: MM 119 cm Quyết định số: 334/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974

81 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIỀNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 01 năm 1978

Số bằng: I 263 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

82 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HIẾN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 11 năm 1953

Số bằng: ZQ 1,934 bp Quyết định số: 257/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1959

83 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày tháng 2 năm 1948

Số bằng: CK 148 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1972

84 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BÀU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Quang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1954

Số bằng: ZQ 3,377 bp Quyết định số: 329/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1959

85 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC NGHỊ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 1 năm 1979

Số bằng: 9R 726 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

86 Liệt sĩ: **HOÀNG CUNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970

Số bằng: ĐL 887 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

87 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TỘC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1969

Số bằng: MG 035 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

- 88 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1974
Số bằng: VA 050 bm Quyết định số: 181/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 89 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1967
Số bằng: TK 072 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 90 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SƯỚC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1970
Số bằng: PR 011 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975
- 91 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÙI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1970
Số bằng: TK 278 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976
- 92 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 1983
Số bằng: AK 554 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984
- 93 Liệt sĩ: **LÒ VĂN SUỐI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1969
Số bằng: HA 355 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973
- 94 Liệt sĩ: **LÒ VĂN NGẠCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UA 799 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 95 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9N 128 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 96 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9M 778 bt Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 97 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1982
Số bằng: I 353 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

- 98 **Liệt sĩ: LƯƠNG VĂN NHÂN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 4 năm 1976
 Số bằng: DE 073 bt Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1992
- 99 **Liệt sĩ: HÀ VĂN NGÁCH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: ED 581 bm Quyết định số: 98/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 100 **Liệt sĩ: VI VĂN NHẬT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: NO 758 bm Quyết định số: 398/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1974
- 101 **Liệt sĩ: HÀ VĂN NÚI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: HP 403 bm Quyết định số: 14/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 102 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN KHÁNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: NO 762 bm Quyết định số: 398/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1974
- 103 **Liệt sĩ: PHẠM BÁ HƯƠNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1971
 Số bằng: GS 359 bm Quyết định số: 473/TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1973
- 104 **Liệt sĩ: LÒ VĂN TƯƠNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968
 Số bằng: MD 740 bm Quyết định số: 109/TTGa ngày 7 tháng 5 năm 1970
- 105 **Liệt sĩ: LỤC VĂN THƯA**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: LM 691 bm Quyết định số: 19/TTGa ngày 11 tháng 2 năm 1969
- 106 **Liệt sĩ: LỤC VĂN PHƯƠNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: BG 175 bm Quyết định số: 13/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 107 **Liệt sĩ: LÒ VĂN HIỂM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1967

Số bằng: SM 090 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

108 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BẢN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1967

Số bằng: IM 196 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

109 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NHÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968

Số bằng: LM 696 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

110 Liệt sĩ: **HÀ XUÂN THÌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968

Số bằng: MD 775 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

111 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỘI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1969

Số bằng: BF 286 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

112 Liệt sĩ: **LỤC VĂN THẨM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1973

Số bằng: PA 605 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

113 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THÈU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1969

Số bằng: PN 685 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

114 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGUYỄN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1969

Số bằng: NL 326 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

115 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG NHÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1970

Số bằng: UK 470 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1970

Số bằng: VT 793 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

117 Liệt sĩ: **HÀ VĂN PHONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GĐ 030 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

118 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC MIỆN**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1981
Số bằng: AB 535 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

119 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐK 241 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972

120 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ CƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1970
Số bằng: GĐ 638 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

121 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NGUYỄN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: KC 212 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1972

122 Liệt sĩ: **LÊ BÁ LEO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Ninh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1951
Số bằng: HZ 962 bp Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

123 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH XUÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AL 919 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

124 Liệt sĩ: **THIỆU QUANG TIẾN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: LH 147 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

125 Liệt sĩ: **THIỆU VĂN HỢP**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1973
Số bằng: OP 416 bm Quyết định số: 20/Ttga ngày 18 tháng 1 năm 1975

126 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN VIỆT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PH 753 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

127 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
Số bằng: SE 565 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

128 Liệt sĩ: **HÀ VĂN VẦY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SE 177 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

129 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LONG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1971
Số bằng: TH 658 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

130 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẠCH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1981
Số bằng: S 752 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

131 Liệt sĩ: **THIỆU SỸ CHIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1968
Số bằng: EK 797 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

132 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỢI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: ES 455 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973

133 Liệt sĩ: **VŨ DUY DIỆN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LK 577 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

134 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ PHÚ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 5 năm 1978

Số bằng: 8B 226 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

135 Liệt sĩ: **CAO XUÂN TÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Lưu, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1967
Số bằng: ĐT 551 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

136 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LONG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: OK 111 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

- 137 Liệt sĩ: **LÊ MẬU QUỲNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GD 624 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973
- 138 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN BẮP**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UG 831 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 139 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHUÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UQ 298 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 140 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TRÌ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 9 năm 1982
Số bằng: AO 918 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984
- 141 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ỚT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UG 757 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 142 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MG 399 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 143 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HOA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1968
Số bằng: KX 464 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 25 tháng 2 năm 1974
- 144 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NỘI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CD 646 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 145 Liệt sĩ: **CAO VĂN THƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1971
Số bằng: UO 233 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 146 Liệt sĩ: **TRƯƠNG MINH VIÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Nội, huyện Bá Thước,

tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐB 214 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

147 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TỐT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LT 493 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

148 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC NIỀNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lương Ngọc, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BL 549 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

149 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MA 574 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

150 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG THOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MG 148 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

151 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG CHÚNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MK 895 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970

152 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÔNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BP 274 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

153 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN XANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MA 614 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

154 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 09 năm 1966
Số bằng: GL 951 bm Quyết định số: 837/Ttga ngày 23 tháng 07 năm 2004

155 Liệt sĩ: **CAO VĂN ĐỘ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 272 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

156 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH THƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: GL 743 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

157 Liệt sĩ: **CAO HẢI VÂN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HA 363 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

158 Liệt sĩ: **TRỊNH MAI NGỌC**

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1970

Số bằng: GR 197 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

159 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG PHƯƠNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 221 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

160 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LAI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KL 391 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

161 Liệt sĩ: **PHẠM THANH NGÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LH 089 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

162 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TĂNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: NA 574 bm Quyết định số: 305/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

163 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG TUYẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AV 828 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

164 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH KHOA**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: AV 654 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

165 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHANG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1974
Số bằng: OR 661 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975

- 166 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HỘI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1970
Số bằng: PT 587 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1975
- 167 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÁM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1970
Số bằng: CĐ 609 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 168 Liệt sĩ: **ĐỖ MINH CHÍ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1970
Số bằng: CĐ 828 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972
- 169 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG NGÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: RB 870 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 170 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CHIỀU**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1973
Số bằng: RB 838 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 171 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÓNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: UP 803 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 172 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÚNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1970
Số bằng: UK 502 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977
- 173 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VL 771 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 174 Liệt sĩ: **HÀ DUYÊN DƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VL 596 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 175 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1970

Số bằng: YD 191 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

176 Liệt sĩ: **BÙI VĂN CHIỀU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972

Số bằng: YD 145 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

177 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC VINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969

Số bằng: YE 144 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

178 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYỄN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968

Số bằng: VT 765 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

179 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NHÂM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972

Số bằng: VT 724 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

180 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN PHÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968

Số bằng: 5S 453 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

181 Liệt sĩ: **BÙI HÙNG CHÂU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 1977

Số bằng: 5S 353 bt Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978

182 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DUY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970

Số bằng: 6N 663 bm Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

183 Liệt sĩ: **BÙI HOÀNG SƠN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1978

Số bằng: 8O 689 bt Quyết định số: 506/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

184 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC CHÂU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9M 686 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

185 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐẬU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 9Y 066 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

186 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG CHÂU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1975
Số bằng: F 048 bm Quyết định số: 023/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983

187 Liệt sĩ: **LƯU XUÂN HỒNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 9 năm 1981
Số bằng: AB 500 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

188 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TUY**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 11 năm 1983
Số bằng: BQ 797 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

189 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIẾN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 5 năm 1968
Số bằng: NO 770 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974

190 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1969
Số bằng: EP 593 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

191 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968
Số bằng: IM 283 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

192 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIÊM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 099 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

193 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KẾ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 048 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

194 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1974
Số bằng: SE 122 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

195 Liệt sĩ: **PHẠM ÁNH NGUYỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UA 953 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

196 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: ĐL 905 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

197 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1975
Số bằng: 5S 462 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

198 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÍCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 1985
Số bằng: CA 319 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

199 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NÒI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1966
Số bằng: AM 965 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

200 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THIỆU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: AV 916 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970

201 Liệt sĩ: **PHẠM THỨC CƠI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
Số bằng: BG 003 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

202 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN SỸ**

Pháo thủ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EM 799 bm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

203 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG TRẮC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1966
Số bằng: EM 895 bm Quyết định số: 102/Ttga ngày 8 tháng 6 năm 1968

204 Liệt sĩ: **PHẠM MINH KHAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1966
Số bằng: AM 952 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 6 tháng 2 năm 1967

- 205 Liệt sĩ: **PHẠM THỨC DƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1966
Số bằng: AM 041 bm Quyết định số: 15/TTGa ngày 1 tháng 9 năm 1967
- 206 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KS 734 bm Quyết định số: 216/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 207 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NÙNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1972
Số bằng: HT 386 bm Quyết định số: 453/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1973
- 208 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BA 225 bm Quyết định số: 249/TTGa ngày 15 tháng 10 năm 1971
- 209 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG KHAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NA 788 bm Quyết định số: 307/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 210 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MỪNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1969
Số bằng: OV 856 bm Quyết định số: 165/TTGa ngày 9 tháng 5 năm 1975
- 211 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QP 626 bm Quyết định số: 121/TTGa ngày 10 tháng 4 năm 1976
- 212 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG NHI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973
Số bằng: QR 739 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 25 tháng 3 năm 1976
- 213 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG ĐỨC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1967
Số bằng: RH 582 bm Quyết định số: 267/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 214 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SN 945 bm Quyết định số: 32/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1977

- 215 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG ĐƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971
Số bằng: TK 503 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 216 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC LUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1970
Số bằng: ĐL 980 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972
- 217 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG THỀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1968
Số bằng: CR 990 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972
- 218 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỀ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: VL 724 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 219 Liệt sĩ: **HÀ VĂN VI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 8B 362 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979
- 220 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC QUYỀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 716 bt Quyết định số: 743/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 221 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG LĂNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 7 năm 1981
Số bằng: D 567 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983
- 222 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 9 năm 1980
Số bằng: DM 537 bt Quyết định số: 206/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1994
- 223 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NGÃI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1971
Số bằng: ĐR 597 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1973
- 224 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1971

Số bằng: NO 991 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

225 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG THẮNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1971

Số bằng: EQ 179 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

226 Liệt sĩ: **LƯU VĨNH LAI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1975

Số bằng: YV 108 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

227 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỎ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1966

Số bằng: AM 067 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1967

228 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VUI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975

Số bằng: QĐ 265 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

229 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÓN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1972

Số bằng: PT 586 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1975

230 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG PHƯỢNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970

Số bằng: BG 078 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

231 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1966

Số bằng: AM 944 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

232 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHƯỢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967

Số bằng: IM 290 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG VINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1967

Số bằng: SM 238 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

234 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TỎ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1968
Số bằng: SM 192 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

235 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC HUYNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BK 291 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

236 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ DẬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1966
Số bằng: AM 936 bm Quyết định số: 108/TTg ngày 6 tháng 2 năm 1967

237 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TỎ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BP 257 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972

238 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 496 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

239 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÁN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HP 476 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

240 Liệt sĩ: **PHẠM THẾ NỘI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1970
Số bằng: HP 404 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

241 Liệt sĩ: **CAO XUÂN PHÚ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1970
Số bằng: HP 418 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

242 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1972
Số bằng: GL 622 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

243 Liệt sĩ: **VŨ QUỐC BẢO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KD 300 bm Quyết định số: 509/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973

244 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐỨC CẦU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NA 699 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

245 Liệt sĩ: **PHẠM THỌ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LK 788 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

246 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THÌN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NL 383 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

247 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OG 826 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

248 Liệt sĩ: **VŨ VĂN BAN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1971
Số bằng: PS 631 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

249 Liệt sĩ: **LÊ TỬ CANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968
Số bằng: CD 810 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

250 Liệt sĩ: **BÙI HOÀNG YÊN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1972
Số bằng: UP 292 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

251 Liệt sĩ: **CAO ĐÌNH CHÀU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UH 729 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977

252 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MZ 840 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

253 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7L 240 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

- 254 Liệt sĩ: **TRƯƠNG SỸ TRUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1974
Số bằng: 3AA 785 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981
- 255 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH TIẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9N 285 bt Quyết định số: 243/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 256 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHÁNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 045 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 257 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TOÁN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 9R 873 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980
- 258 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUANG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 147 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973
- 259 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG SỰ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 209 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973
- 260 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GD 062 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 261 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1966
Số bằng: CM 168 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968
- 262 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT THẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1965
Số bằng: HZ 974 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 263 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT MINH**
, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 4 năm 1953
Số bằng: EZ 397 bp Quyết định số: 135/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1963

- 264 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1970
Số bằng: NK 770 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974
- 265 Liệt sĩ: **LÊ NHẤT THÀNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YG 046 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 266 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT MÃN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1971
Số bằng: YV 116 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 267 Liệt sĩ: **LÊ KIM TRỌNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 2AB 460 bt Quyết định số: 205/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 268 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC HUỲNH**
Công nhân ty giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Quảng Thọ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: MM 266 cm Quyết định số: 352/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974
- 269 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1969
Số bằng: UK 476 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 270 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC LỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BG 048 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970
- 271 Liệt sĩ: **PHẠM VƯƠNG THI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BF 196 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 272 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TUỔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: IM 284 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 273 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUYNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968

Số bằng: SM 053 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

274 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN MỸ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966
Số bằng: SM 146 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

275 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHUÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1970
Số bằng: BK 277 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

276 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NHỜ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1953
Số bằng: EZ 769 bp Quyết định số: 219/TTga ngày 11 tháng 27 năm 1963

277 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HẢI NAM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1970
Số bằng: HP 399 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

278 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN XUÂN**

Tiểu đội trưởng dân quân Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1972
Số bằng: bm 427 km Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

279 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TRUNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HT 195 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

280 Liệt sĩ: **TÔ HỮU SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HT 361 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

281 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIỆU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1971
Số bằng: HR 320 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

282 Liệt sĩ: **CAO XUÂN TRÌU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1971
Số bằng: NA 810 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974

- 283 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÚ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972
Số bằng: OG 694 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 284 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1969
Số bằng: OV 925 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975
- 285 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1971
Số bằng: PG 063 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975
- 286 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1969
Số bằng: PL 572 bm Quyết định số: 394/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975
- 287 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1969
Số bằng: RB 931 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 288 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG MẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
Số bằng: SN 866 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 289 Liệt sĩ: **BÙI VĂN VƯỢNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UK 419 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 290 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỘI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UL 813 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 291 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1973
Số bằng: UL 284 bm Quyết định số: 225/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 292 Liệt sĩ: **LƯU VINH TÓC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969
Số bằng: UQ 397 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

- 293 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG ANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: VL 612 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 294 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG LÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VT 806 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 295 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KHÔI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1974
Số bằng: YD 078 bm Quyết định số: 328/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 296 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: YE 073 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 297 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DỤNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1975
Số bằng: VL 592 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 298 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1973
Số bằng: VL 705 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 299 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH CHUÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1968
Số bằng: TĐ 150 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976
- 300 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG CHÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7L 053 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 301 Liệt sĩ: **BÙI ĐĂNG NHƯỢNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 750 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980
- 302 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 9R 671 bt Quyết định số: 516/TTGa ngày 25 tháng 7 năm 1980

303 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 1 năm 1983

Số bằng: AK 565 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

304 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN THẮNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1983

Số bằng: AO 881 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1984

305 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CÔNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1985

Số bằng: BB 554 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 16 tháng 4 năm 1986

306 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THƯ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967

Số bằng: CZ 836 bm Quyết định số: 31/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1992

307 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN CÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970

Số bằng: ĐR 473 bm Quyết định số: 09/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1973

308 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐOÀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1971

Số bằng: ĐR 498 bm Quyết định số: 09/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1973

309 Liệt sĩ: **CAO VĂN Y**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970

Số bằng: ĐR 551 bm Quyết định số: 09/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1973

310 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG MỸ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1969

Số bằng: EP 763 bm Quyết định số: 188/TTGa ngày 19 tháng 5 năm 1973

311 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG GIAI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968

Số bằng: AP 288 bm Quyết định số: 159/TTGa ngày 5 tháng 7 năm 1971

312 Liệt sĩ: **PHẠM SƠN THỦY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 426 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 11 tháng 23 năm 1966

313 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG TRẮC**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NU 358 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

314 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN HÀ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 1 năm 1984

Số bằng: AO 960 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984

315 Liệt sĩ: **CAO MINH KHÔI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1970
Số bằng: EQ 192 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

316 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 220 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1965

317 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN ĐỀ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AP 298 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

318 Liệt sĩ: **MAI PHƯỚC THỜI**

Trợ lý tác chiến sư đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Mỹ Chánh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968

Số bằng: BP 145 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

319 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐÌNH TẤN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MI 125 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

320 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG NHÌ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1969
Số bằng: AV 704 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

321 Liệt sĩ: **ĐINH NGỌC DIU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1972
Số bằng: EP 744 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

- 322 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN BÓN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: BF 059 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 323 Liệt sĩ: **BÙI ĐÌNH THI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: UO 103 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 324 Liệt sĩ: **BÙI VĂN PHÚC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: UA 723 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 325 Liệt sĩ: **CAO VĂN TÂM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
 Số bằng: HI 852 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974
- 326 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LÊN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiết Ống, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1970
 Số bằng: GC 191 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973
- 327 Liệt sĩ: **VƯƠNG XUÂN THỜI**
 Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Thiệu Tiến, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 7 năm 1954
 Số bằng: ZA 1,665 cp Quyết định số: 125/Ttga ngày 7 tháng 1 năm 1960
- 328 Liệt sĩ: **THIỆU ĐÌNH SỨC**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1945
 Số bằng: ZB 3,901 kp Quyết định số: 28/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1961
- 329 Liệt sĩ: **HOÀNG DOãn THỨ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
 Số bằng: KC 172 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1972
- 330 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CÀM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1973
 Số bằng: PS 657 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975
- 331 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1969
Số bằng: UO 386 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

- 332 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CÁT**
Chính trị viên trung đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HB 151 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 333 Liệt sĩ: **THIỆU KHẮC ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 11 năm 1980
Số bằng: I 272 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983
- 334 Liệt sĩ: **QUẢN BÁ MƯU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1969
Số bằng: AS 583 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 335 Liệt sĩ: **LÊ PHÚ BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Châu, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KL 005 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974
- 336 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỐ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 4 năm 1954
Số bằng: YZ 384 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 12 tháng 22 năm 1956
- 337 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1952
Số bằng: YZ 394 bp Quyết định số: 1191/Ttga ngày 12 tháng 22 năm 1956
- 338 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TOÁN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LT 483 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974
- 339 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THAU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1970
Số bằng: CP 658 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 340 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1967

Số bằng: IM 140 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

341 Liệt sĩ: **LÊ VĂN OANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1967

Số bằng: LM 873 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

342 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KIM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 12 năm 1973

Số bằng: ST 025 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

343 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỰ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1969

Số bằng: CR 968 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

344 Liệt sĩ: **NGÔ THỌ HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1968

Số bằng: NV 067 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

345 Liệt sĩ: **HOÀNG VIỆT TOÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969

Số bằng: EA 155 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

346 Liệt sĩ: **LÊ THẾ CÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1970

Số bằng: EĐ 643 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

347 Liệt sĩ: **HOÀNG THỊ TỤNG**

Tiểu đội phó thanh niên xung phong chống mỹ, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972

Số bằng: IM 250 cm Quyết định số: 04/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

348 Liệt sĩ: **HÀN DUYÊN DÌN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972

Số bằng: LS 562 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

349 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HỘ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1974

Số bằng: PZ 677 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

350 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN XANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 2Đ 503 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

351 Liệt sĩ: **LÊ THANH TÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BE 223 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

352 Liệt sĩ: **LÊ THIÊN DUNG**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QR 656 bm Quyết định số: 90/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1976

353 Liệt sĩ: **ĐỖ HUY TÍNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1969
Số bằng: LH 152 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

354 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969
Số bằng: QS 017 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

355 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NHÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UK 453 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

356 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HƯNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1967
Số bằng: UO 638 bm Quyết định số: 174/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

357 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỐNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 12 năm 1980
Số bằng: F 108 bt Quyết định số: 23/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1983

358 Liệt sĩ: **VŨ NGỌC ĐIỀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1965
Số bằng: MZ 583 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

359 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH NHUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HP 516 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

360 Liệt sĩ: **DƯƠNG CHÍNH ĐẠI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1965
Số bằng: HZ 940 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

361 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH NGHĨA**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CM 128 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

362 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒ DONG**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1970
Số bằng: LD 726 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

363 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC CÔN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NA 709 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

364 Liệt sĩ: **ĐỖ NGỌC CHINH**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1975
Số bằng: RB 842 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

365 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN HIỆN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1971
Số bằng: OK 061 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

366 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN DỤC**

Công nhân công ty vật tư lâm sản, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 7 năm 1981
Số bằng: AK 669 ct Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

367 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHÂN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1969
Số bằng: HB 210 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

368 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THIẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 418 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

369 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT GIANG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KV 569 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

- 370 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
 Số bằng: AV 729 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 371 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÂN**
 Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
 Số bằng: NT 091 bm Quyết định số: 416/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 372 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÔNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: OP 381 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 373 Liệt sĩ: **LÊ QUANG NGỌC**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: SN 557 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 374 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TRỌNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1967
 Số bằng: ĐT 477 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973
- 375 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHÍNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: BP 221 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972
- 376 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TOẢN**
 Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: KS 616 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974
- 377 Liệt sĩ: **NGUYỄN CAO HUY**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: LS 826 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 378 Liệt sĩ: **LÊ SƠN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: UP 206 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 379 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG NHÂM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1969
Số bằng: UK 444 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

380 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ÁT**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VL 613 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

381 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHÂU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: QM 740 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969

382 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TỎ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AV 807 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

383 Liệt sĩ: **LÊ MINH QUỐ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1971
Số bằng: LS 538 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

384 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẮNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BG 224 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

385 Liệt sĩ: **LÊ HỮU NHÌ**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Phúc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1970

Số bằng: HP 509 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

386 Liệt sĩ: **VŨ DUY KHOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 2 năm 1952
Số bằng: ZR 267 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

387 Liệt sĩ: **HÀN VĂN VE**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 1977
Số bằng: 5G 063 bt Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

388 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN SÁU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 221 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

- 389 **Liệt sĩ: VŨ NGỌC VẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: VM 428 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1970
- 390 **Liệt sĩ: LÊ TRỌNG DẬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1968
Số bằng: VM 408 bm Quyết định số: 22/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1970
- 391 **Liệt sĩ: LÊ TRỌNG NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 06 năm 1954
Số bằng: GI 930 bp Quyết định số: 135/TTga ngày 3 tháng 2 năm 2004
- 392 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHIÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HR 287 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 393 **Liệt sĩ: LÊ VĂN BÔNG**
Trợ lý tác chiến trung đoàn, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NU 303 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974
- 394 **Liệt sĩ: VŨ HỮU TRIỆU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RB 850 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 395 **Liệt sĩ: NGUYỄN TÔN HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: TY 959 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 396 **Liệt sĩ: LÊ ĐÌNH TOÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NO 785 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974
- 397 **Liệt sĩ: HOÀNG VĂN NĂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969
Số bằng: HP 400 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 398 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUỐC DƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1969
Số bằng: HP 256 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

- 399 Liệt sĩ: **HOÀNG KHẮC UYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 2 năm 1954
Số bằng: CZ 333 bp Quyết định số: 481/TTg ngày 12 tháng 13 năm 1961
- 400 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC BẰNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1973
Số bằng: PZ 611 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975
- 401 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẦU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bằng: UE 489 bm Quyết định số: 215/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 402 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC CA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1968
Số bằng: BE 110 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971
- 403 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THƯ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1973
Số bằng: QR 815 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976
- 404 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972
Số bằng: SN 788 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 405 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: NO 789 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974
- 406 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC KHANH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BA 327 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971
- 407 Liệt sĩ: **LÊ THẾ BÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VL 622 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 408 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1971

Số bằng: GC 181 bm Quyết định số: 251/TTga ngày 21 tháng 6 năm 1973

409 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LẠC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 3 năm 1952

Số bằng: ZR 015 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960

410 Liệt sĩ: **HOÀNG HỮU VIÊN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 11 năm 1953

Số bằng: YZ 372 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1956

411 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972

Số bằng: SN 848 bm Quyết định số: 579/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

412 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970

Số bằng: 2Đ 822 bm Quyết định số: 1171/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

413 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ LINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969

Số bằng: AV 673 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971

414 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH LƯU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9R 684 bt Quyết định số: 516/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

415 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHIỀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Văn Am, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1978

Số bằng: 7L 050 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978

416 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THẨM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1964

Số bằng: 5S 479 bm Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

417 Liệt sĩ: **ĐÌNH XUÂN THỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thiện, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1969

Số bằng: UK 803 bm Quyết định số: 227/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

- 418 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 8AA 190 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 419 Liệt sĩ: **THIỆU VĂN TIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969
Số bằng: HP 190 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 420 Liệt sĩ: **VŨ VĂN NHƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1965
Số bằng: OP 616 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975
- 421 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UP 214 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 422 Liệt sĩ: **CAO VĂN BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1984
Số bằng: AO 834 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 3 tháng 7 năm 1984
- 423 Liệt sĩ: **TÀO VĂN DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1975
Số bằng: BQ 747 cm Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987
- 424 Liệt sĩ: **BÙI TRƯỜNG CHINH**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 12 năm 1984
Số bằng: BB 814 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3 tháng 9 năm 1986
- 425 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC VÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MK 834 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970
- 426 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GX 664 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973
- 427 Liệt sĩ: **HÀ VĂN SINH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1969
Số bằng: LB 741 bm Quyết định số: 366/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

- 428 Liệt sĩ: **LÊ TIẾN BẢN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diên Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HR 351 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973
- 429 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHUYẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diên Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1974
Số bằng: UQ 375 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 430 Liệt sĩ: **HÀ VĂN MINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diên Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1978
Số bằng: CB 798 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 9 tháng 8 năm 1988
- 431 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diên Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: SA 748 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 432 Liệt sĩ: **HÀ THANH NHÀN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diên Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NL 329 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974
- 433 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HỤN**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Vân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 10 năm 1947
Số bằng: ZD 682 kp Quyết định số: 110/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1964
- 434 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN VÂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã ái Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 9 năm 1972
Số bằng: GD 021 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 435 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã ái Thượng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1973
Số bằng: QV 699 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976
- 436 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LÔ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1968
Số bằng: ĐN 763 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972
- 437 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 1 năm 1983

Số bằng: AB 568 bt Quyết định số: 188/CTKT ngày 6 tháng 6 năm 1984

438 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HOÀ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Lập, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1974

Số bằng: TY 864 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

439 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Sơn, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1968

Số bằng: AL 882 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

440 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN THƠM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Sơn, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 6 năm 1984

Số bằng: CA 327 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

441 Liệt sĩ: **VI VĂN KHẢI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1987

Số bằng: CB 761 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 9 tháng 8 năm 1988

442 Liệt sĩ: **HÀ TỨ XUÂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1972

Số bằng: LD 767 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

443 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH THÔN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 1979

Số bằng: 9R 997 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

444 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUỐC PHẤN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1972

Số bằng: LD 817 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

445 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THÂN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1978

Số bằng: 8O 740 bt Quyết định số: 506/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

446 Liệt sĩ: **HÀ TÁ SINH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969

Số bằng: YE 267 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

447 Liệt sĩ: **LÒ VĂN CHÂU**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 4 năm 1987
Số bằng: CA 343 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

448 Liệt sĩ: **LỤC VĂN THÀNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9R 956 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

449 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH DUYÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1969
Số bằng: TY 792 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

450 Liệt sĩ: **LỤC VĂN THÁI**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1972

Số bằng: NL 352 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

451 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN INH**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1974
Số bằng: QP 619 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

452 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THẮNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2Đ 593 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

453 Liệt sĩ: **LƯƠNG HỒNG HOA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Y 082 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

454 Liệt sĩ: **LÒ VĂN XUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1970
Số bằng: TY 582 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

455 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MK 131 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

456 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Lương, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1969
Số bằng: GS 435 bm Quyết định số: 473 TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

- 457 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH BẮN**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạnh Phúc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: KD 578 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 458 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỊCH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: MG 065 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 459 Liệt sĩ: **HÀ TRỌNG HUỆ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: GR 848 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 460 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN NGÔN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1967
 Số bằng: SN 559 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 461 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÌN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: KS 661 bm Quyết định số: 170/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1974
- 462 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: KL 118 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974
- 463 Liệt sĩ: **TẠ ĐÌNH DẬU**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: MĐ 840 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970
- 464 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÝ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: ML 972 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 465 Liệt sĩ: **LÊ THỊ TÀI**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: ĐR 609 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1973
- 466 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT QUANG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: CG 640 bm Quyết định số: 142/CTKT ngày 7 tháng 0 năm 1989

- 467 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XẢO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BA 132 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 468 Liệt sĩ: **MAI VĂN ĐÀM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QM 753 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 469 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ VÒNG**
Công nhân ty GTVT thanh hóa, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1967
Số bằng: ĐM 717 cm Quyết định số: 230 /TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969
- 470 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC DỤ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MG 086 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 471 Liệt sĩ: **TRỊNH THANH NHÀN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 12 năm 1978
Số bằng: A 075 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 472 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TÝ**
Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thắng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ML 942 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970
- 473 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZM 447 bp Quyết định số: 455/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1958
- 474 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THẠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BE 240 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971
- 475 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH HÀM**
Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: ES 440 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973
- 476 Liệt sĩ: **PHẠM THỊ TÂM**
Thanh niên xung phong chống mỹ, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CM 399 cm Quyết định số: 76/TTga ngày 24 tháng 5 năm 1969

477 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THỊNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1970
Số bằng: PZ 648 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

478 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC TỊCH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1969
Số bằng: CY 969 bm Quyết định số: 419/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

479 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN VON**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Bình, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1973
Số bằng: HR 342 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

480 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOÀNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UL 768 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

481 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1965
Số bằng: HZ 930 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

482 Liệt sĩ: **LÊ QUỐC TRƯỞNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Vân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 482 bt Quyết định số: 221/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

483 Liệt sĩ: **LẠI THẾ LÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AG 629 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

484 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN GÁC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: PG 050 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

485 Liệt sĩ: **TÓNG MẠNH HÙNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1970
Số bằng: PS 783 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

486 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN CỘI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CL 352 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

487 Liệt sĩ: **CAO VĂN XÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9S 050 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

488 Liệt sĩ: **MAI KHẢ LẠI**

Chính trị viên phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1972
Số bằng: VT 780 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

489 Liệt sĩ: **PHẠM DUY QUÝ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZR 062 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960

490 Liệt sĩ: **PHẠM DUY DIỆN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZQ 498 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 1 tháng 1 năm 1960

491 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỜI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Phúc, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1969
Số bằng: EĐ 697 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

492 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Xuyên, Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1967
Số bằng: 8I 019 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

493 Liệt sĩ: **HÀ QUỐC ĐOÀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Vân, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1983
Số bằng: BĐ 018 bt Quyết định số: 176/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1986

494 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM MINH**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hoành, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1967
Số bằng: VO 271 bm Quyết định số: 439/TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

495 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ TY**

Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AM 546 cm Quyết định số: 72/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1968